

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Định hướng: Ứng dụng

Mã số chuyên ngành: 8.34.01.01

Thanh Hóa, năm 2024

Số: 1869 /QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành
Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Thông báo kết luận số 134/TB-ĐHHD ngày 4/6/2024 của Hội đồng Khoa học đào tạo Trường về việc thống nhất ban hành 8 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Quản trị kinh doanh** áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành quản trị kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT SDH. *U*

HIỆU TRƯỞNG

Bui Văn Dũng
Bùi Văn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số ¹⁸⁶⁹ /QĐ-ĐHHD, ngày ¹² tháng 6 năm 20²⁴
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	<i>Quản trị kinh doanh</i>
Tên chương trình (Tiếng Anh):	<i>Business Administration</i>
Trình độ đào tạo:	<i>Thạc sĩ</i>
Mã ngành đào tạo:	8.34.01.01
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	<i>Khoa KT - QTKD/Bộ môn QTKD</i>
Đối tượng tuyển sinh:	<i>Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT</i>
Hình thức tuyển sinh	<i>Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển</i>
Thời gian đào tạo:	<i>18-24 tháng</i>
Hình thức đào tạo:	<i>Chính quy</i>
Số tín chỉ yêu cầu:	<i>60 tín chỉ</i>
Điều kiện tốt nghiệp:	<i>- Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành</i>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	<i>Bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh</i>
Vị trí làm việc:	<p><i>Sau khi hoàn thành CTĐT ngành QTKD, học viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác ở những vị trí làm việc sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Cán bộ, chuyên viên, quản trị viên ứng với các vị trí công việc tại phòng hành chính, nhân sự, bán hàng, marketing, tài chính, bảo hiểm, sản xuất, kinh doanh, quan hệ khách hàng, quản trị thông tin, thương hiệu, kênh phân phối ...Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng, ban, bộ phận, dự án, ...tại các tổ chức, doanh nghiệp.</i><i>- Quản lý hoặc trợ lý giám đốc trong các tổ chức,</i>

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo thạc sĩ có kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành sâu rộng hiện đại về kinh doanh và quản lý; Có kỹ năng lãnh đạo, điều hành chuyên nghiệp trong tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh thực tế; Có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn; Có đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1: Có đầy đủ kiến thức chuyên môn sâu rộng và hiện đại về kinh doanh và quản lý từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quản trị các tổ chức, doanh nghiệp.

PO2: Có kiến thức nâng cao về kinh tế, tài chính, kế toán từ đó vận dụng trong đánh giá, tổng hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO3: Có khả năng tổng hợp và ứng dụng thành thạo, sáng tạo các kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu quản trị tổ chức, doanh nghiệp.

PO4: Tiếng Anh đạt chuẩn bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội; Có khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

2.2. Chuẩn đầu ra

Trên cơ sở mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ QTKD được xác định như sau:

PLO	Nội dung PLO	PI	Nội dung PI
	Kiến thức		
PLO1	Hệ thống hoá được kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản trị chiến lược, quản trị	PI1.1	Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về kỹ năng quản trị vào quá trình điều hành; Xây dựng và vận hành được bản kế hoạch tự quản trị cá nhân;

PLO	Nội dung PLO	PI	Nội dung PI
	nguồn nhân lực, kỹ năng lãnh đạo và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp.		bản kế hoạch quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.
		PI1.2	Phân tích và vận dụng được kiến thức về môi trường marketing, phân tích thông tin khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các kiến thức về quản trị chiến lược marketing vào trong quá trình điều hành DN.
		PI1.3	Vận dụng được kiến thức vào đánh giá và quản trị chiến lược của tổ chức; lựa chọn, xây dựng và vận hành chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp.
		PI1.4	Thấu hiểu nhu cầu nhân sự, xây dựng và vận hành các quy trình quản trị nhân sự, tạo động lực cho nhân viên trong doanh nghiệp.
		PI1.5	Cải tiến và điều chỉnh chiến lược theo xu hướng phát triển của thị trường.
PLO2	Vận dụng được các kiến thức nâng cao về kinh tế, tài chính, kế toán, đầu tư phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định liên quan đến quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp.	PI2.1	Tổng hợp và vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp định tính và định lượng.
		PI2.2	Tính toán, ước lượng được cầu, ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở.
		PI2.3	Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về quản trị về tạo lập vốn, sử dụng vốn và phân phối vốn đối với công ty cổ phần; Phân tích, đánh giá và giải quyết được những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp.
		PI2.4	Nhận diện chi phí, vận dụng được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận trong việc ứng xử chi phí; Phân tích thông tin kế toán phục vụ ra quyết định ngắn hạn

PLO	Nội dung PLO	PI	Nội dung PI
			và dài hạn
PLO3	Vận dụng được kiến thức triết học vào phân tích, đánh giá và giải thích được các vấn đề của tổ chức và nền kinh tế vĩ mô của thị trường trong bối cảnh hiện nay.	PI3.1	Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
		PI3.2	Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.
		PI3.3	Xác lập vững chắc thế giới quan, phương pháp luận khoa học biện chứng cho người học làm cơ sở để nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
Kỹ năng			
PLO4	Phân tích được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu; Xây dựng được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, dự án trong quản trị marketing, tác nghiệp, tài chính, nhân sự, khách hàng trong điều hành tổ chức, doanh nghiệp.	PI4.1	Thiết lập chính xác các mục tiêu quản trị theo nguyên tắc Smart
		PI4.2	Phân tích môi trường và lựa chọn các chiến lược phù hợp với đặc điểm của tổ chức; Có khả năng tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược của tổ chức phù hợp với điều kiện của DN
		PI4.3	Xây dựng được các chiến lược về quản trị sản phẩm, quản trị giá, quản trị kênh phân phối, quản trị truyền thông vào quá trình điều hành doanh nghiệp.
		PI4.4	Xây dựng được kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí nhân sự và thực hiện chính sách thù lao lao động
		PI4.5	Xây dựng và vận hành được kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.
		PI4.6	Thấu hiểu được các nhu cầu, hành vi của thị trường, khách hàng từ chủ động xây dựng chiến lược đó có các chiến lược tạo nguồn hàng, bán hàng hiệu quả.
PLO5	Phát triển các kỹ năng nhân sự, kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện, kỹ năng hợp tác đáp ứng yêu cầu quản lý, điều	PI5.1	Xây dựng và vận hành hiệu quả nhóm làm việc
		PI5.2	Xây dựng được kế hoạch quản trị nhân sự và tạo động lực làm việc cho người lao động
		PI5.3	Phân biệt được các loại hình tư duy; sử

PLO	Nội dung PLO	PI	Nội dung PI
	hành tổ chức, doanh nghiệp.		dụng thành thạo các công cụ tư duy sáng tạo, tư duy phân biện.
		PI5.4	Vận dụng các loại hình tư duy vào thiết kế dự án, sản phẩm hoặc phương pháp điều hành doanh nghiệp.
PLO6	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp trong quản trị kinh doanh.	PI6.1	Có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp trong quản trị kinh doanh;
		PI6.2	Có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện cá nhân hoặc trải nghiệm, giải thích và bảo vệ quan điểm một cách rõ ràng, chặt chẽ. Phát âm rõ ràng với ngữ điệu tương đối tự nhiên
		PI6.3	Có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
PLO7	Sẵn sàng tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; Có khả năng tự định hướng, cái tiến, thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh mới.	PI7.1	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ công việc.
		PI7.2	Sẵn sàng chịu trách nhiệm trước các quyết định và kết quả điều hành công việc
		PI7.3	Tự đánh giá được năng lực hiện tại và xây dựng được kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng
		PI7.4	Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc; Chủ động tự học, tự nghiên cứu thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số.
		PI7.5	Có thể làm việc trong nhiều môi trường khác nhau của tổ chức, doanh nghiệp

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	14
		Tự chọn	09
4	Thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Tốt nghiệp (đồ án): 09 TC	Bắt buộc	09
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
I	Khối kiến thức chung		7						
1	8THXH1	Triết học	4	42	36	-	180	1	Lý luận Mác - Lênin
2	8TA001	Tiếng Anh	3	27	18	18	135	1	Ngôn ngữ - Văn hóa và phương pháp giảng dạy
II	Khối kiến thức cơ sở		15						
	Các học phần bắt buộc		3						
3	3TK101	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý	3	27	28	8	135	2	QTKD
	Các học phần tự chọn		12						
	<i>Chọn 1/2 HP sau</i>								
4	3KT131	Kinh tế học quản lý	3	27	26	10	135	1	Kinh tế
	3KT132	Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	3	27	28	8	135	1	Kinh tế
	<i>Chọn 1/2 HP sau</i>								

5	3TC101	Thuế trong kinh doanh	3	27	36	-	135	2	TCNH
	3QK238	Quản trị tài chính DN hiện đại	3	27	36	-	135	2	TCNH
	Chọn 1/2 HP sau								
6	3KQ101	Phân tích kinh doanh	3	27	21	15	135	2	KTQT
	3KQ102	Kế toán cho nhà quản lý	3	27	27	9	135	2	KTQT
7	Chọn 1/2 HP sau								
	3KC101	Kiểm soát quản lý	3	27	27	9	135	2	KTTC
	3KC102	Kiểm soát nội bộ	3	27	18	18	135	2	KTTC
III	Khối kiến thức chuyên ngành		23						
	Các học phần bắt buộc		14						
8	3QT201	Kỹ năng quản trị	3	27	36	-	135	2	QTKD
9	3QK229	Quản trị Marketing nâng cao	2	18	16	8	90	1	QTKD
10	3QT202	Quản trị chiến lược trong tổ chức	3	27	26	10	135	3	QTKD
11	3QT203	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	27	28	8	135	3	QTKD
12	3QT204	Lãnh đạo và quản lý	3	27	28	8	135	3	QTKD
	Các học phần tự chọn		9						
	Chọn 1/2 học phần sau		3						
13	3QT205	Hành vi tổ chức	3	27	26	10	135	1	QTKD
	3QT206	Ra quyết định quản trị	3	27	26	10	135	1	QTKD
	Chọn 1/2 học phần sau		3						
14	3QT207	Quản trị tác nghiệp	3	27	28	08	135	3	QTKD
	3QT208	Quản trị chuỗi cung ứng	3	27	26	10	135	3	QTKD
	Chọn 1/2 học phần sau		3						
15	3QT209	Quan hệ công chúng	3	27	18	18	135	3	QTKD
	3QT210	Quản trị rủi ro	3	27	26	10	135	3	QTKD
IV	3TTQT1	Thực tập	6			126	270	4	QTKD
V	3DAQT1	Tốt nghiệp (đề án):	9					4	
Tổng tín chỉ			60						

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Phó giáo sư	04	0	04
Tiến sĩ	05	27	32
Thạc sĩ	04	17	21
Tổng	13	44	57

4.2. Phòng học

- Hệ thống phòng học tại các giảng đường phục vụ công tác dạy – học được trang bị đồng bộ, hiện đại với đầy đủ trang thiết bị như: máy chiếu, màn hình, bảng viết, bàn ghế, quạt, loa mic...

- Các phòng học máy tính được trang bị đầy đủ máy tính với các phần mềm chuyên môn phục vụ việc học và thực hành; Phòng tự học, phòng thảo luận tại Trung tâm thư viện cũng được trang bị máy tính có kết nối internet, wifi...

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

Để đáp ứng mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng và chuẩn đầu ra CTĐT nhà trường đã trang bị hệ thống phòng thực hành nghiệp vụ quản trị như siêu thị mini, phòng kế toán, ngân hàng ảo được trang bị đầy đủ phương tiện, phần mềm và cơ chế vận hành sử dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên đáp ứng CDR.

4.4. Thư viện

Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại. Khoảng 5,5% nguồn tài liệu nói trên phục vụ trực tiếp và đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành QTKD, cụ thể: 977 đầu sách các chuyên ngành về kinh tế và Quản trị kinh doanh, và 5.530 sách giáo trình, tài liệu tham khảo trong đó 683 tài liệu tham khảo thuộc chương trình đào tạo ngành QTKD.

Năm 2001, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành thạc sĩ QTKD.

Năm 2022 nhà trường đưa phần mềm kiểm tra đạo văn vào hỗ trợ kiểm tra và nâng cao chất lượng bài viết như tiểu luận, báo cáo, luận văn.

4.5. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các DN thuộc Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Thanh Hoá (Theo Biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và DN)
2	Các DN thuộc Hiệp hội DN Thành Phố Thanh Hoá (Theo Biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và DN)
3	Các sở, ban ngành, doanh nghiệp, tổ chức, ngân hàng trong và ngoài tỉnh có học viên tham gia CTĐT thạc sĩ QTKD hoặc Nhà trường liên hệ thực tế (Có danh sách thống kê và liên hệ thực tế từng khoá đào tạo)

V. Đề cương học phần

M1. Triết học/Philosophy

- Số tín chỉ: 04 (42 Lý thuyết, 36 Thảo luận)
- Mã học phần: 8THXH1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Học phần Triết học gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Củng cố kiến thức triết học Mác – Lênin đã được học ở bậc Đại học. Mở rộng và nâng cao hiểu biết về các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

- CO2: Rèn luyện và phát triển tư duy logic, biện chứng cho người học. Giúp người học vận dụng được những kiến thức đã học vào việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên ngành được đào tạo.

- CO3: Người học có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, cởi mở và thiện chí trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Có thái độ khách quan, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu học phần để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.

CLO2: Vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

CLO3: Người học nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện. Hình thành ở người học phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Đủ năng lực vận dụng kiến thức triết học để nắm bắt và độc lập giải quyết những vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Khái luận về triết học (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1. Triết học và đối tượng của triết học.

1.2 Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

3.1. Triết học Mác – Lênin.

3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Chương 2: Bản thể luận (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

1.1. Khái niệm bản thể luận.

1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

2.2. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phép biện chứng

(8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .

3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Chương 4: Nhận thức luận

(4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nội dung của nguyên tắc.

4.2 Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

(8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 6: Triết học chính trị

(4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

2.1 Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

3.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

Chương 7: Ý thức xã hội (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

- 1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội
- 1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

- 2.1 Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
- 2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

- 3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay
- 3.2 Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

Chương 8: Triết học về con người (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

- 1.1. Triết học phương Đông
- 1.2. Triết học phương Tây trước Mác
- 1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

- 2.1. Khái niệm con người
- 2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người
- 2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

- 4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người
- 4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO..
Thuyết trình	x			
Vấn đáp		x	x	
Tự học	x	x	x	
Thảo luận	x	x	x	
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm			x	
Nghiên cứu tình huống		x	x	

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiểu luận)	CLO1 CLO2	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Học viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Học viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Học viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Hữu Vui (1997) *Lịch sử triết học*, Nxb CTQG, Hà Nội .

M2. TIẾNG ANH /ENGLISH

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18TH, 18TL)

- Mã học phần: 8TA001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngôn ngữ - Văn hóa và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo *Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT*)

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ điểm quen thuộc và lĩnh vực chuyên môn (Kiến thức)

- CO2: Vận dụng được các kiến thức ngôn ngữ Anh để thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thành thạo ở bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. (Kỹ năng)

- CO3: Có sự yêu thích đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm cũng như chủ động tự học, tự nghiên cứu. (Mức tự chủ và chịu trách nhiệm)

3. Chuẩn đầu ra học phần

- **CLO1:** Hệ thống hóa vốn từ vựng, ngữ pháp ở trình độ B2
- **CLO2:** Phân tích và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi.
- **CLO3:** Tự nhiên hóa các cách thức giao tiếp về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.
- **CLO4:** Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận
- **CLO5:** Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản khác nhau để xây dựng một bài văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.
- **CLO6:** Hình thành khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh; chủ động tiếp thu kiến thức và sử dụng tiếng Anh trên lớp học cũng như trong các tình huống thực tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: Bands and Fands (2LT, 1TH, 1TL)

- 1.1 Grammar: Present simple vs present continuous
- 1.2. Practise skills

Unit 2: Relative values (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

- 2.1. vocabulary: People and society
- 2.2. -ing form or infinitive
- 2.3. Practise skills

Unit 3: Things that matter (2LT, 1TH, 1TL)

- 3.1. Grammar: Present perfect and past simple
- 3.2. Practise skills

Unit 4: Battling nature (2LT, 1TH, 1TL)

- 4.1. Grammar: Articles
- 4.2. Practise skills

Unit 5: Eat your heart out! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

- 5.1. Grammar: Countable and uncountable nouns
- 5.2. Vocabulary: Food and drink
- 5.3. Practise skills

Unit 6: On camera (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

- 6.1. Future time

6.2. Vocabulary: Entertainment

6.3. Practise skills

Unit 7: A home from home (1LT, 2TH, 2TL)

7.1. Modal verbs

7.2. Practise skills

Unit 8: Moving on! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

8.1. Vocabulary: Work and Business

8.2. Reported speech

8.3. Practise skills

Unit 9: Lucky break (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

9.1. Conditionals

9.2. Vocabulary: Hobbies, sport and games

9.3. Practise skills

Unit 10: Virtual friend (2LT, 1TH, 1TL)

10.1. Conditionals (special cases)

10.2. Practise skills

Unit 11: Living on the edge (2LT, 1TH, 1TL)

11.1. Conditionals (mixed)

11.2. Practise skills

Unit 12: Crime science (2LT, 1TH, 1TL)

12.1. Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)

12.2. Practise skills

Unit 13: Who are you again (2LT, 1TH, 1TL)

13.1. Modal verbs (ability)

13.2. Practise skills

Unit 14: Say what you mean (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

14.1. Vocabulary: Science and Technology

14.2. Revision

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình			X			X
Vấn đáp		X	X			X
Tự học	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X		X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1	20%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Kiểm tra viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1	30%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thi cuối kì				
1	Kiểm tra viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí 1 buổi ôn tập và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Jan Bell and Amanda Thomas (2005). *Gold First*, Pearsons (Kí hiệu HLBB1)

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006). *Destination B2: Grammar and Vocabulary*, Macmillan Education
2. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*. NXB Thanh Hóa
3. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B*. NXB Thanh Hóa

M3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ/SCIENTIFIC RESEARCH METHODS IN BUSINESS AND MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 3 (LT 27, TL-BT 28; TH: 8)
- Mã học phần: 3TK101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm những lý luận chung về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, thảo luận và thực hành các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, từ đó giúp học viên có được kiến thức, kỹ năng và ứng dụng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp theo chuyên ngành học tập. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích dữ liệu kinh tế. Cuối cùng, học phần giới thiệu quy định hiện hành về thủ tục đăng ký, làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình nghiên cứu khoa học của một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
- CO2: Học viên có được kỹ năng phát hiện và xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành; thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý và phân tích dữ liệu thông qua phần mềm thống kê SPSS; và kỹ năng trình bày, thuyết trình được một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và báo cáo thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp nói riêng.

- CO3: Học viên có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các bước trong quá trình nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong các tình huống chuyên ngành cụ thể của học viên.

- CLO2: Có khả năng vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích, đánh giá và ra quyết định các vấn đề liên quan đến quá trình điều hành, tổ chức, quản lý doanh nghiệp và đơn vị công tác.

- CLO3: Có kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ thuộc quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, quản lý kinh tế và tài chính trong đơn vị.

- CLO4: Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (LT 3, TH: 0, TL-BT 3, Tự học: 15)

1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

1.1. Khái niệm về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học

1.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

2. Các loại hình nghiên cứu khoa học

3. Quy trình nghiên cứu khoa học

4. Cấu phần cơ bản của nghiên cứu khoa học

Thảo luận: Xây dựng quy trình nghiên cứu khoa học cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Chương 2: Xác định vấn đề nghiên cứu (LT 3, TH: 0, TL-BT 2, Tự học: 15)

1. Xác định vấn đề nghiên cứu

2. Xác định mục tiêu, câu hỏi và giả thiết nghiên cứu

3. Xác định nội dung nghiên cứu

4. Xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Phạm vi nghiên cứu

5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

Thảo luận: Xác định mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thiết nghiên cứu và xác định tên đề tài nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết (LT 3, TH: 0, TL – BT 3, Tự học: 15)

1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

- 1.1. Vai trò của tổng quan
- 1.2. Nội dung tổng quan
- 1.3. Các yêu cầu đối với phần tổng quan nghiên cứu
- 1.4. Một số kỹ năng khi tiến hành tổng quan

2. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu

- 2.1. Khái niệm, vai trò khung lý thuyết (mô hình) nghiên cứu
- 2.2. Xây dựng khung lý thuyết

Thảo luận: Thảo luận nhóm, xây dựng tổng quan tài liệu nghiên cứu cho 1 vấn đề nghiên cứu cụ thể, xây dựng khung nghiên cứu cho vấn đề nghiên cứu đó.

Chương 4: Phương pháp nghiên cứu (LT 5, TH: 0, TL-BT 4, Tự học: 20)

1. Phương pháp nghiên cứu định tính

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng
- 1.3. Đặc điểm của nghiên cứu định tính
- 1.4. Ví dụ về nghiên cứu định tính

2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng
- 2.3. Đặc điểm của nghiên cứu định lượng
- 2.4. Các khái niệm cơ bản trong mô hình định lượng
- 2.5. Ví dụ về nghiên cứu định lượng

3. So sánh giữa nghiên cứu định tính và định lượng

4. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng
- 4.3. Ví dụ về nghiên cứu hỗn hợp

Thảo luận: Thảo luận nhóm về các vấn đề nghiên cứu ứng dụng phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp

Chương 5: Thu thập dữ liệu nghiên cứu (LT 4, TH: 0, TL-BT 6, Tự học: 20)

1. Phân loại dữ liệu nghiên cứu

- 2.1. Dữ liệu thứ cấp
- 2.2. Dữ liệu sơ cấp

2. Xác định nguồn dữ liệu

3. Dữ liệu và phương pháp thu thập dữ liệu định tính phổ biến

- 3.1. Bản chất dữ liệu trong nghiên cứu định tính

- 3.2. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính
- 3.3. Phương pháp phỏng vấn
- 3.4. Phương pháp thảo luận nhóm
- 3.5. Phương pháp nghiên cứu tình huống

4. Đo lường và thu thập dữ liệu định lượng

- 4.1. Đo lường và thang đo
- 4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng
- 4.3. Phương pháp điều tra chọn mẫu
- 4.4. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

Thảo luận: Thảo luận nhóm và tiến hành thu thập dữ liệu nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể được lựa chọn cho mỗi nhóm.

Chương 6: Phân tích dữ liệu nghiên cứu (LT 6, TH: 8, TL-BT 6, Tự học: 30)

1. Phân tích dữ liệu định tính

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Đặc điểm và nguyên tắc chung trong phân tích dữ liệu định tính
- 1.3. Mã hoá dữ liệu
- 1.4. Phương pháp KJ

2. Phân tích dữ liệu định lượng

- 2.1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
- 2.2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả
- 2.3. Kiểm định độ tin cậy của thang đo
- 2.4. Phân tích nhân tố
- 2.5. Phân tích tương quan
- 2.6. Phân tích hồi quy
- 2.7. Kiểm định

3. Một số mô hình dự báo trong kinh doanh và quản lý

Thảo luận và thực hành: Thảo luận nhóm tổng hợp dữ liệu nghiên cứu, sau đó tiến hành thực hành nhập dữ liệu, chạy kết quả nghiên cứu và phân tích kết quả nghiên cứu bằng phần mềm SPSS.

Chương 7: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (LT 3, TH: 0, TL 4, Tự học: 20)

1. Các nguyên tắc chung khi viết một báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

2. Nội dung báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

- 2.1. Phần mở đầu (giới thiệu)
- 2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và khung lý thuyết nghiên cứu
- 2.3. Phương pháp nghiên cứu
- 2.4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận
- 2.5. Kết luận và kiến nghị

3. Quy định về làm đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức

3.1. Quy định về định dạng văn bản

3.2. Quy định về dẫn nguồn tài liệu và trình bày tài liệu tham khảo

3.4. Trình bày bảng, sơ đồ, đồ thị và hình trong đề án

4. Trình bày báo cáo nghiên cứu trước Hội đồng

4.1. Chuẩn bị (bài trình bày, thiết kế slides)

4.2. Trình bày và bảo vệ trước Hội đồng

Thảo luận: 1. Thảo luận và tiến hành viết đề cương nghiên cứu

2. Thiết kế và trình diễn slides đề cương nghiên cứu

5. Hình thức dạy – học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X
Hướng dẫn	X	X	X	
Hoạt động nhóm	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Thi viết	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần.	CLO4	20%
Thi cuối kì (50%)				
	Thi viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Nguyễn Văn Thắng (2022), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh (Tái bản lần thứ 4)*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản, ĐH Kinh tế TP.HCM*, NXB Lao động xã hội.

2) Nguyễn Thị Tuyết Mai (2020), *Nghiên cứu định tính – nguyên lý và thực hành trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB ĐH KTQD

M4.1. KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ (MANAGERIAL ECONOMICS)

- Số tín chỉ: 03 (27,26,10)
- Mã học phần: 3KT131
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư... kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ

chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

- CO2: Học viên vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp định tính và định lượng.

- CO3: Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở và Phân tích được các tình huống ra quyết định trong một trò chơi cụ thể và lựa chọn được quyết định đầu tư tối ưu của doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

-CLO2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp định tính và định lượng.

-CLO3: Vận dụng những kỹ thuật định lượng cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định vào từng tình huống cụ thể.

-CLO4: Có kỹ năng tính toán, ước lượng được cầu, ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở.

- CLO5: Phân tích các tình huống ra quyết định trong một trò chơi cụ thể (game theory) và lựa chọn được quyết định đầu tư tối ưu của doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

- CLO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; năng lực quản lý, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế một cách khoa học và sáng tạo;

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về kinh tế quản lý (LT 4; TH: 0; TL4; Tự học 21)

1.1. Bản chất và phạm vi của kinh tế quản lý

1.1.1. Khái niệm kinh tế quản lý

1.1.2. Mối quan hệ của kinh tế quản lý với lý thuyết kinh tế

1.1.3. Mối quan hệ của kinh tế với các học phần về khoa học ra quyết định

1.2. Lý thuyết doanh nghiệp

1.2.1. Các loại hình doanh nghiệp

1.2.2. Vấn đề sở hữu và quản lý doanh nghiệp

1.2.3. Mục tiêu của các doanh nghiệp

1.3. Kỹ thuật tối ưu hóa

Chương 2: Phân tích cầu (LT4; TH: 10; TL4; Tự học 21)

2.1. Cầu và co dẫn của cầu

2.1.1. Lý thuyết về cầu truyền thống

2.1.2. Phân tích độ co dẫn của cầu

2.1.3. Sử dụng các hệ số co dẫn của cầu trong việc ra quyết định quản lý

2.2. Ước lượng cầu

2.2.1. Các phương pháp marketing dùng để ước lượng cầu

2.2.2. Sử dụng phân tích hồi quy ước lượng cầu

2.3. Dự báo cầu

* **Nội dung thực hành:** Điều tra khảo sát thị trường kết hợp sử dụng phần mềm Excel, SPSS để ước lượng và dự báo cầu về lập cửa hàng mới, phát triển sản phẩm mới, xác định doanh thu...

Chương 3: Lựa chọn sản xuất tối ưu (LT4; TH: 0; TL4; Tự học 21)

3.1. Lý thuyết sản xuất

3.2. Lý thuyết chi phí

3.2.1. Bản chất của chi phí

3.2.2. Các chi phí trong ngắn hạn

3.2.3. Các chi phí trong dài hạn

3.2.4. Mối quan hệ giữa các chi phí ngắn hạn và dài hạn

3.3. Ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp

Chương 4: Cấu trúc thị trường và mức độ cạnh tranh (LT4; TH:0; TL 4; Tự học 21)

4.1 Cạnh tranh hoàn hảo

4.2. Độc quyền

4.1.1. Độc quyền mua

4.1.2. Độc quyền bán

4.1.3. Định giá khi có thế lực thị trường

4.3. Cạnh tranh độc quyền

4.4. Độc quyền nhóm

Chương 5: Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược (LT7; TH: 0; TL4; Tự học 21)

5.1. Giới thiệu

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Ý nghĩa của lý thuyết trò chơi trong hoạt động kinh doanh

5.2. Trò chơi dưới dạng chiến lược

5.2.1. Cân bằng Nash

5.2.2. Chiến lược ưu thế

5.2.3. Chiến lược maximin

5.3. Ứng dụng của lý thuyết trò chơi

Chương 6: Vai trò kinh tế của chính phủ - cơ hội và thách thức Đối với nhà quản lý (LT4; TH: 0; TL6; Tự học 30)

6.1. Cơ sở lý thuyết về điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

6.2. Điều tiết của Chính phủ trên thực tế

6.3. Hoạt động điều tiết cạnh tranh quốc tế

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x	x
Thực hành		x				
Hướng dẫn		x				
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x
Chuyên đề		x				x
Đồ án/Dự án		x				x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric đánh giá bài thi Viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3	
			3	
CLO4				
CLO5				

Đánh giá chuyên cần (20%)				
	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp thảo luận và thực hành thực tế (nếu có).	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO6	20%
Thi cuối kì (50%)				
	Thi Viết	Rubric Đánh giá bài thi Viết	CLO 1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn Kinh tế (phòng 306B nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Tạ Đức Khánh (2012), *Giáo trình Kinh tế quản lý*, NXB Giáo dục

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1. Cao Thuý Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh (2014), *Kinh tế học vi mô 2*, NXB ĐH KTQD

2. William Poundstone (2015), *Thế lưỡng nan của người tù*, NXB LĐ-XH.

M4.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP (STATE MANAGEMENT OF THE ECONOMY IN THE PERIOD OF INTEGRATION)

- Số tín chỉ: 03 (27,28,8)

- Mã học phần: 3KT132

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập

2. Mục tiêu học phần

-CO1: Học viên có thể vận dụng những lý thuyết về các công cụ, chức năng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động quản lý của các tổ chức, đơn vị.

- CO2: Học viên vận dụng kiến thức về phân tích xử lý thông tin trong ra quyết định trong quản lý kinh tế trong bối cảnh hội nhập để hiểu và ra quyết định có hiệu quả trong các công tác quản lý.

- CO3: Học viên vận dụng kiến thức về chất lượng nguồn nhân lực của cán bộ quản lý nhà nước, từ đó đánh giá đúng được phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng thời kỳ hội nhập phục vụ cho công tác quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Hiểu lý thuyết về các nguyên tắc, công cụ, và chức năng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

-CLO2: Phân tích được các chính sách quản lý kinh tế, ; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế

-CLO3: Thành thạo các kỹ năng trong xử lý để ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế

-CLO4: Biết sử dụng được 1 số công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế trong đơn vị ngành, địa phương.

-CLO5: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng thời kỳ hội nhập

-CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế

(LT4; TL4; Tự học 18)

1.1. Sự cần thiết khách quan của Quản lý Nhà nước về kinh tế

1.1.1. Nhà nước

1.1.2. *Quản lý nhà nước về kinh tế*

1.1.3. *Quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay*

1.2. **Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học**

1.2.1. *Đối tượng môn học*

1.2.2. *Nội dung nghiên cứu môn học*

1.2.3. *Phương pháp nghiên cứu môn học*

1.3. **Quản lý Nhà nước về kinh tế xét trên quan điểm hệ thống**

1.3.1. *Tổng quan về lý thuyết hệ thống trong quản lý về kinh tế*

1.3.2. *Ứng dụng quan điểm hệ thống trong Quản lý Nhà nước về kinh tế*

Chương 2: Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế

(LT4; TL4; Tự học 18)

2.1. **Quy luật**

2.1.1. *Định nghĩa về quy luật*

2.1.2. *Tính khách quan của quy luật*

2.1.3. *Đặc điểm của các quy luật kinh tế*

2.1.4. *Cơ chế vận dụng các quy luật*

2.1.5. *Các loại quy luật*

2.1.6. *Cơ chế quản lý kinh tế*

2.2. **Các nguyên tắc Quản lý Nhà nước về kinh tế**

Chương 3: Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

(LT3; TL4; Tự học 17)

3.1. **Công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế**

3.1.1. *Khái niệm về công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế*

3.1.2. *Pháp luật*

3.1.3. *Kế hoạch*

3.1.4. *Chính sách*

3.1.5. *Tài sản quốc gia*

3.1.6. *Vận dụng các công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội*

nhập

3.2. **Phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế**

3.2.1. *Khái niệm về phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế*

3.2.2. *Phương pháp hành chính*

3.2.3. *Phương pháp kinh tế*

3.2.4. *Phương pháp giáo dục*

3.2.5. *Vận dụng các phương pháp quản lý của Nhà nước về kinh tế trong thời*

kỳ hội nhập

Chương 4: Mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

(LT4; TL4; Tự học 18)

- 4.1. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế
 - 4.1.1. Tổng quan về mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế
 - 4.1.2. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế
 - 4.1.3. Mục tiêu ổn định kinh tế
 - 4.1.4. Mục tiêu công bằng kinh tế
- 4.2. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế
 - 4.2.1. Tổng quan về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế
 - 4.2.2. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động
 - 4.2.3. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động

Chương 5: Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế

(LT4; TL4; Tự học 18)

- 5.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế
 - 5.1.1. Khái niệm chung về thông tin
 - 5.1.2. Vai trò của thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế
 - 5.1.3. Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế
 - 5.1.4. Các loại thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế
 - 5.1.5. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
- 5.2. Quyết định quản lý nhà nước về kinh tế
 - 5.2.1. Khái niệm
 - 5.2.2. Các loại hình quyết định quản lý nhà nước
 - 5.2.3. Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước
 - 5.2.4. Căn cứ ra quyết định
 - 5.2.5. Quá trình quyết định
 - 5.2.6. Phương pháp và kỹ thuật quyết định
- 5.3. Văn bản quản lý Nhà nước
 - 5.3.1. Khái niệm về văn bản quản lý Nhà nước
 - 5.3.2. Các chức năng cơ bản của văn bản
 - 5.3.3. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan Nhà nước
 - 5.3.4. Các loại hình văn bản Nhà nước

Chương 6: Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

(LT 4; TL 3; Tự học 19)

- 6.1. Khái niệm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế
 - 6.1.1. Bộ máy nhà nước và các cơ quan Nhà nước
 - 6.1.2. Hình thức tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay
 - 6.1.3. Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế
- 6.2. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế
 - 6.2.1. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế
 - 6.2.2. Các mô hình bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

6.2.3. Quá trình xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

6.3. Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

6.3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở Trung ương

6.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương

Chương 7: Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

(LT 4; TL 4; Tự học 17)

7.1. Tổng quan về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.1. Khái niệm về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.2. Phân loại cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.3. Vai trò của cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

7.3. Thực trạng và phương hướng đổi mới công tác cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

7.3.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

7.3.2. Phương hướng đổi mới cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập

Chương 8: Thực tế các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động

(LT 0; TH 8; TL 1; Tự học 10)

8.1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

8.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

8.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

8.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế (Tìm hiểu thực tế về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động, trong đó chủ yếu đi sâu tìm hiểu về tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động SXKD, chức năng đảm bảo hạ tầng cho phát triển...)

8.5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x					
Hướng dẫn	x					
Hoạt động nhóm	x		x		x	x
Nghiên cứu tình huống			x			x
Chuyên đề	x	x				x
Đồ án/Dự án	x					x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric đánh giá bài thi Viết	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3	
3	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp thảo luận và thực hành thực tế (nếu có).	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO6	20%
Thi cuối kì (50%)				
	Thi Viết	Rubric Đánh giá bài thi Viết	CLO 1,2,3,4,5,6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn Kinh tế (phòng 306B nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Phan Huy Đường (2017), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB ĐHQGHN

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Thái Thị Kim Oanh (2020), *Phân tích chính sách kinh tế- xã hội*, NXB ĐH Vinh.

2) Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ

M.5.1. THUẾ TRONG KINH DOANH (TAXES IN BUSINESS)

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã học phần: 3TC101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế gồm 7 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; quản lý thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học Phần sẽ cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.
- CO2: Học viên hiểu rõ các phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thuế khác.
- CO3: Học viên vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước. Vận dụng các kiến thức đã học giải quyết các tình huống thuế diễn ra ngoài thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.
- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp.

- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế và doanh nghiệp.

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về thuế (LT3; TL5)

- 1.1. Lịch sử hệ thống thuế
- 1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế
- 1.3. Chức năng của thuế
- 1.4. Phân loại thuế
- 1.5. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế
- 1.6. Quá trình đổi mới hệ thống thuế tại Việt Nam

Chương 2: Quản lý thuế (LT4; TL6)

- 2.1. Những vấn đề chung về quản lý thuế
- 2.2. Nội dung quản lý thuế tại Việt Nam
- 2.3. Dịch vụ thuế và tư vấn thuế

Chương 3: Quản trị thuế GTGT đối với các doanh nghiệp hiện nay (LT6; TL6)

- 3.1. Những vấn đề chung về thuế GTGT
- 3.2. Nội dung cơ bản của luật thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam
- 3.3. Vận dụng kiến thức về thuế GTGT trong quản trị hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hiện nay

Chương 4 : Quản trị thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp hiện nay (LT4; TL6)

- 4.1. Những vấn đề chung về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)
- 4.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế TTĐB ở Việt Nam
- 4.3 Vận dụng kiến thức về thuế TTĐB trong quản trị hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hiện nay

Chương 5: Quản trị thuế xuất khẩu, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp hiện nay (LT4; TL6)

- 5.1. Giới thiệu chung về thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- 5.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam
- 5.3. Vận dụng kiến thức về thuế XNK trong quản trị hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hiện nay

Chương 6: Quản trị thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp hiện nay (LT6, TL7)

- 6.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)
- 6.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam

6.3. Vận dụng kiến thức về thuế TNDN trong quản trị hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hiện nay.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x		x	x
Vấn đáp	x			x
Tự học	x	x	x	
TL	x	x	x	
Thực hành		x		
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	20%
Thi cuối kì				
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1) TS Lê Hoàng Bá Huyền; PGS.TS Nguyễn Thị Bất - đồng chủ biên - Chính sách và nghiệp vụ Thuế - NXB Lao động - Năm 2016.

2) TS Lê Hoàng Bá Huyền và các cộng sự - Câu hỏi và bài tập thuế - NXB Lao động - Năm 2016.

Học liệu tham khảo

- PGS.TS Nguyễn Thị Liên; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu - Thuế - NXB Tài chính - Năm 2014.

M5.2. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI (MODERN CORPORATE FINANCE MANAGEMENT).

- Số tín chỉ: 03 (27,36)

- Mã học phần: 3QK238

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung chính về những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần, đó là dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào; và những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.

- CO2: Học viên hình thành tư duy và xây dựng được phong cách quản trị; học viên biết cách tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

- CO3: Học viên có khả năng quản trị tài chính doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. học viên phân tích được vấn đề và ra các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp theo đúng quy trình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về quản trị về tạo lập vốn, sử dụng vốn và phân phối vốn đối với công ty cổ phần

- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần

- CLO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp

- CLO4: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp một cách hiệu quả.

- CLO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp (LT 4, BT 0, TL 2)

1.1. Những vấn đề chính của quản lý tài chính

1.2. Vai trò của nhà quản trị tài chính

1.3. Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp

1.4. Các báo cáo tài chính và dòng tiền

Chương 2: Dự toán vốn đầu tư (LT 5, BT 4, TL 2)

2.1. Các phương pháp ra quyết định

2.2. Xác định dòng tiền của dự án

2.3. Phân tích rủi ro

2.4. Dự toán vốn trong điều kiện có lạm phát

Chương 3: Rủi ro và lợi nhuận (LT 4, BT 5, TL 2)

3.1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

3.2. Rủi ro

3.3. Đa dạng hóa rủi ro

Chương 4: Chính sách cổ tức (LT 4, BT 3, TL 2)

4.1. Các hình thức chi trả cổ tức

4.2. Những vấn đề cần xem xét khi ra quyết định về cổ tức

4.3. Chính sách cổ tức

4.4. Tách, gộp, mua lại cổ phiếu

Chương 5: Cơ cấu vốn và chi phí vốn (LT 4, BT 4, TL 2)

5.1. Khái niệm cơ cấu vốn

5.2. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn tối ưu

5.3. Một số lý thuyết khác về cơ cấu vốn

5.4. Chi phí vốn

Chương 6: Quản trị tài sản ngắn hạn (LT 3, BT 4, TL 2)

6.1. Quản trị tiền mặt

6.2. Quản trị các khoản phải thu

6.3. Quản trị tồn kho

Chương 7: Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (LT 3, BT 0, TL 4)

7.1. Các hình thức pháp lý của M&A

7.2. Động cơ cho M&A

7.3. Sách lược phòng thủ chống thâm tóm doanh nghiệp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5	20%
Thi cuối kì (50%)				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình chính

Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học KTQD

Tài liệu tham khảo

1) Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), Giáo trình tài chính Doanh nghiệp, NXB Tài chính

2) Eugene F. Brigham, Joel F.Houston (2009), Quản trị tài chính, Cengage Learning Asia Ltd (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh dịch)

M.6.1. PHÂN TÍCH KINH DOANH (BUSINESS ANALYSIS)

- Số tín chỉ: 3 (27, 21; 15)
- Mã học phần: 3KQ101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần về chức năng, vị trí của phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp như: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng xác định, diễn giải được các khái niệm, nội dung, phương pháp phân tích; các chỉ tiêu phân tích hoạt động sản xuất, hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị

- CO2: Học viên vận hành, thực hiện được việc phân tích tình hình sản xuất, hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị

- CO3: Học viên phân tích tình hình sản xuất, tình hình hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị; đánh giá được nguyên nhân của các vấn đề và đề xuất được phương án giải quyết.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và diễn giải được kiến thức về đối tượng, nội dung, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh; các chỉ tiêu phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD, tình hình tài chính

- CLO2: Vận hành phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD

- CLO3: Vận hành phân tích và đánh giá được tình hình tài chính, tình hình thanh toán, năng lực hoạt động của tài sản, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- CLO4: Đánh giá được kết quả, hạn chế nguyên nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD; tình hình tài chính của đơn vị; tư vấn được cho nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về phân tích kinh doanh (LT 4, TL 3, TH: 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ phân tích

1.3. Phương pháp phân tích

1.4. Tổ chức công tác phân tích ở doanh nghiệp

Chương 2: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (LT 10, TL 4, TH: 6)

2.1 Phân tích tình hình cung ứng yếu tố đầu vào

2.1.1 Phân tích yếu tố lao động

2.1.2 Phân tích yếu tố TSCĐ

2.1.3 Phân tích yếu tố nguyên vật liệu

2.2 Phân tích hoạt động sản xuất

2.2.1 Phân tích chi phí sản xuất

2.2.2 Phân tích giá thành sản phẩm

Chương 3: Phân tích hoạt động tiêu thụ và kết quả KD (LT 6, TL 7, TH: 3)

3.1. Phân tích hoạt động tiêu thụ

3.2 Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh

Chương 4: Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (LT 7, TL 7, TH: 6)

4.1. Đánh giá khái quát về tình hình tài chính

4.2. Phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư

4.3. Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán ngắn hạn

4.4 Phân tích năng lực hoạt động của tài sản

4.5. Phân tích khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/dáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1) Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB Đại học KTQD.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Nguyễn Ngọc Quang (2014), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB lao động- xã hội.

M.6.2. KẾ TOÁN CHO NHÀ QUẢN LÝ (ACCOUNTING FOR MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 3 (27, 27; 09)
- Mã học phần: 3KQ102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính và kế toán quản trị, bao gồm bản chất, nguyên tắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định; các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn. Kết thúc học phần học viên có năng lực đọc hiểu, phân tích thông tin kế toán phục vụ ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; có

khả năng xác định chi phí, lập và phân tích các loại dự toán; có khả năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm và có khả năng phân tích các báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng đọc hiểu thông tin kế toán, diễn giải được các khái niệm về chi phí khối lượng, lợi nhuận, các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị.

- CO2: Học viên thực hiện được việc xác định chi phí, lập dự toán, vận hành việc phân tích mối quan hệ chi phí khối lượng và lợi nhuận.

- CO3: Học viên phân tích được thông tin tài chính, thông tin quản lý phục vụ ra quyết định; phân tích được báo cáo bộ phận; đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về xác định chi phí, lập dự toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị

- CLO2: Nhận diện chi phí, vận dụng được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận trong việc ứng xử chi phí.

- CLO3: Phân tích thông tin kế toán phục vụ ra quyết định ngắn hạn và dài hạn

- CLO3: Đánh giá và vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm; phân tích báo cáo bộ phận

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Kế toán, ngôn ngữ của kinh doanh và cơ sở ra quyết định (LT 4, TL 1, TH: 0)

1.1. Bản chất của kế toán

1.1.1 Khái niệm, nội dung

1.1.2 Vai trò của kế toán

1.1.3 Các lĩnh vực phát triển của kế toán

1.2. Kế toán tài chính - Ngôn ngữ kinh doanh

1.3. Kế toán quản trị - Cơ sở cho việc ra quyết định quản lý

Chương 2: Ứng xử chi phí và phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (LT 10, TL 10, TH: 3)

3.1 Nhận diện chi phí

3.2 Phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

3.2.1 Một số khái niệm cơ bản về Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

3.2.2 Ứng dụng phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

Chương 3: Phân tích thông tin tài chính và ra quyết định quản lý (LT 10, TL 14, TH: 6)

3.1. Phân tích thông tin tài chính

3.1.1. Bảng cân đối kế toán

3.1.2. Báo cáo kết quả HĐKD

3.1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.2. Phân tích thông tin quản lý

3.2.1 Phân tích quyết định sản xuất

3.2.2. Phân tích quyết định đơn đặt hàng đặc biệt

3.2.3 Phân tích kết cấu hàng bán

3.2.4 Phân tích trong điều kiện giới hạn

Chương 4: Đánh giá thành quả quản lý ((LT 3, TL 2, TH: 0)

4.1. Tổng quan về đánh giá thành quả quản lý

4.2. Đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm

4.2.1. Trung tâm chi phí

4.2.2. Trung tâm doanh thu

4.2.3. Trung tâm lợi nhuận

4.2.4. Trung tâm đầu tư

4.3. Báo cáo bộ phận

4.3.1. Vai trò và nội dung của báo cáo bộ phận

4.3.2. Phân tích báo cáo bộ phận

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự, *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Kinh tế quốc dân, 2021.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự, *Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*, NXB tài chính, 2019

2. Đoàn Xuân Tiên (2014), Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính

M.7.1. KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (MANAGEMENT CONTROL)

- Số tín chỉ: 3 (LT 27, TL 27, TH: 9)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mã học phần: 3KC101

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách dài ngò đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Hiểu được các kiến thức về KSQL như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSQL

CO2: Nắm được nội dung, mục đích, cách thức thiết kế các trung tâm trách nhiệm.

CO3: Hiểu được nội dung kiểm soát giá chuyển giao trong đơn vị

CO4: Hiểu và vận dụng các kiến thức trong việc lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý tại đơn vị.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kết thúc học phần, người học đạt được các kỹ năng:

CO5: Kỹ năng nhận diện, phân tích thông tin để giải quyết các tình huống kiểm soát quản lý thực tế phát sinh tại các đơn vị.

CO6: Kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán.

CO7: Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

CO8: Có ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân.

CO9: Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kiểm soát quản lý tại đơn vị bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CLO2: Vận dụng các kỹ năng lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý tại đơn vị.

CLO3: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm soát. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung của học phần

Chương 1: Bản chất của hệ thống kiểm soát quản lý (LT3, TH0, TL3)

1.1 Kiểm soát và các loại kiểm soát.

1.2 Khái niệm và nội dung của kiểm soát quản lý

1.3 Các đặc tính của kiểm soát quản lý

1.4 So sánh kiểm soát quản lý và kiểm soát tác nghiệp.

1.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến thiết kế hệ thống kiểm soát quản lý.

Chương 2: Trung tâm trách nhiệm và thiết kế trung tâm trách nhiệm (LT6, TH0, TL6)

2.1 Khái quát về trung tâm trách nhiệm

2.2 Các loại hình trung tâm trách nhiệm

2.3 Lợi ích thiết kế các trung tâm trách nhiệm

2.4 Đo lường và đãi ngộ hoạt động của nhà quản lý trung tâm trách nhiệm.

Chương 3: Lập kế hoạch thực hiện chiến lược trong kiểm soát quản lý (LT6, TH0, TL6)

3.1 Bản chất, vai trò lập kế hoạch trong kiểm soát quản lý.

3.2 Phân tích chương trình dự án sản xuất kinh doanh mới

3.3 Phân tích, đánh giá các chương trình, dự án đang thực hiện.

3.4 Quá trình lập kế hoạch.

Chương 4: Kiểm soát tính giá chuyển giao (LT6, TH0, TL6)

4.1 Mục tiêu tính giá chuyển giao.

4.2 Các phương pháp tính giá chuyển giao

4.3 Kiểm soát tính giá chuyển giao

Chương 5: Đo lường và đánh giá hoạt động trong kiểm soát quản lý (LT6, TH9, TL6)

5.1 Hệ thống các phương pháp đo lường đánh giá hoạt động.

5.2 Các phương pháp đo lường, đánh giá hoạt động

5.3 Các cấp độ của kiểm soát.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
TL	x	x	x
Thực hành		x	
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm		x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO2	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Nguyễn Phương Hoa (2011), Giáo trình kiểm soát quản lý, NXB đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Hữu Ánh (2021), *Kiểm soát nội bộ*, NXB ĐH KTQD

M7.2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ (INTERNAL CONTROL)

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)
- Mã học phần: 3KC102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ (KSNB) như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về KSNB như: Nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành KSNB cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Vận dụng được các nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

CO2: Người học có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị; kỹ năng tổ chức KSNB trong các chu trình sản

xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị và đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.

CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc lĩnh vực kiểm toán. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kiểm soát nội bộ tại đơn vị bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật kiểm soát nội bộ phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CLO 2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về kiểm soát nội bộ để hiểu và giải thích về các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

CLO3: Vận dụng các kỹ năng về nhận diện, đánh giá rủi ro trong đơn vị. Kỹ năng tổ chức, đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ trong các đơn vị.

CLO4: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về kiểm soát nội bộ (LT6, TH0, TL6)

- 1.1. Định nghĩa về kiểm soát
- 1.2. Lịch sử phát triển kiểm soát nội bộ
- 1.3. Vai trò và trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ

Chương 2: Các thành phần của kiểm soát nội bộ (LT6, TH0, TL6)

- 2.1. Lý thuyết về KSNB theo COSO 2013
- 2.2. Các bộ phận của kiểm soát nội bộ

Chương 3: Kiểm soát một số chu trình cơ bản (LT9, TH0, TH9)

- 3.1 Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán
- 3.2 Kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền
- 3.3 Kiểm soát chu trình tiền lương, nhân sự
- 3.4 Kiểm soát chu trình TSCĐ

Chương 4: Kiểm soát nội bộ trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin (LT6, TH0, TL6)

- 4.1. Đặc điểm hệ thống thông tin ảnh hưởng đến KSNB
- 4.2. Những hoạt động kiểm soát trong môi trường máy tính

Chương 5: Thực hành tìm hiểu về kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau (9TH)

- 5.1. KSNB trong doanh nghiệp sản xuất
- 5.2. KSNB trong doanh nghiệp thương mại
- 5.3. KSNB trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ
- 5.4. KSNB trong doanh nghiệp xây lắp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		x
Vấn đáp	x			
Tự học	x	x	x	x
TL	x	x	x	x
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Nguyễn Hữu Ánh (2021), *Kiểm soát nội bộ*, NXB ĐH KTQD.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), *Sách chuyên khảo: Kiểm soát nội bộ*, NXB Tài chính.

M8. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ (MANAGEMENT SKILLS)

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã học phần: 3QT201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện các nhóm kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp bao gồm nhóm kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể vận dụng thành thạo các nhóm kỹ năng quản trị cá nhân, kỹ năng quản trị nhân sự và kỹ năng quản trị tổ chức vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- CO2: Học viên hình thành tư duy và xây dựng được phong cách quản trị; học viên biết cách tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

- CO3: Học viên xây dựng được các phương án quản trị nhân sự và tạo động lực lao động; học viên phân tích được vấn đề và ra các quyết định quản trị trong doanh nghiệp theo đúng quy trình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về kỹ năng quản trị vào quá trình điều hành quản trị

- CLO2: Xây dựng và vận hành được bản kế hoạch tự quản trị cá nhân; bản kế hoạch quản trị nhân sự trong doanh nghiệp; Đề xuất được các ý tưởng sáng tạo trong quản trị và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học

- CLO3: Đánh giá và phân tích được nhu cầu nhân viên từ đó xây dựng được kế hoạch tạo động lực cho nhân viên trong doanh nghiệp

- CLO4: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

- CLO5: Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học; Lựa chọn và định hình được thương hiệu cá nhân. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Giới thiệu chung về kỹ năng quản trị (LT 3; TL 2; Tự học 15)

I. Nhà quản trị

1. Nghề quản trị doanh nghiệp
2. Nhà quản trị trong doanh nghiệp
3. Những tố chất cơ bản của nhà quản trị

II. Tổng quan về kỹ năng quản trị

1. Kỹ năng nghề quản trị
2. Kỹ năng của nhà quản trị
3. Các nhóm kỹ năng quản trị

Chương 2: Kỹ năng cá nhân (LT 6; TL 5; TH 5; Tự học 25)

I. Kỹ năng quản trị bản thân

1. Kỹ năng quản lý bản thân của PETER DRUCKER
2. Kỹ năng hoàn thiện và cân bằng trong cuộc sống
3. Rèn luyện kỹ năng quản trị bản thân

II. Kỹ năng quản trị thời gian

1. Khái niệm và các thể hệ quản lý thời gian
2. Những yếu tố gây lãng phí thời gian
3. Các bước quản lý thời gian hiệu quả
4. Một số kỹ thuật quản lý thời gian

III. Kỹ năng tư duy sáng tạo

1. Quan niệm về sáng tạo và tư duy sáng tạo
2. Hình thức tư duy sáng tạo
3. Phương pháp tư duy sáng tạo

4. Các bước hình thành tư duy sáng tạo
5. Kỹ thuật tư duy sáng tạo

IV. Xây dựng thương hiệu cá nhân

1. Tổng quan về thương hiệu cá nhân
2. Một số trường hợp cần xây dựng thương hiệu cá nhân

Chương III: kỹ năng quan hệ con người (LT 6; TL 4; TH 4; Tự học 25)

I. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

1. Những vấn đề cơ bản về giao tiếp
2. Các kỹ năng trong giao tiếp
3. Các nguyên tắc trong giao tiếp

II. Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh

1. Vai trò và mục đích của đàm phán trong kinh doanh
2. Các giai đoạn của đàm phán trong kinh doanh
3. Các nguyên tắc của đàm phán trong kinh doanh

III. Kỹ năng trao quyền và ủy quyền

1. Trao quyền
2. Ủy quyền

IV. Kỹ năng quản trị xung đột

1. Xung đột trong doanh nghiệp
2. Quản trị xung đột trong doanh nghiệp
3. Các kỹ năng quản trị xung đột

V. Kỹ năng tạo động lực làm việc

1. Động cơ và động lực làm việc
2. Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc
3. Các LT cơ bản về tạo động lực làm việc
4. Kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên

Chương IV: Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định (LT 5; TL 4; TH 2; Tự học 25)

1. Quan điểm về kỹ năng giải quyết vấn đề
2. Kỹ năng giải quyết vấn đề
3. Kỹ năng ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp

Chương V: Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh (LT 4; TL 3; TH 3; Tự học 25)

1. Quan niệm về bản kế hoạch kinh doanh
2. Ý tưởng kinh doanh và nội dung bản kế hoạch kinh doanh
3. Trình bày bản kế hoạch kinh doanh

Chương VI: Kỹ năng phân tích tài chính (LT 3; TL 2; TH 2 Tự học 15)

1. Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp
2. Phân tích tài chính doanh nghiệp
3. Phân tích tài chính dự án đầu tư

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x	x
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài thảo luận nhóm, bài thu hoạch thực hành thực tế	Rubric thảo luận nhóm/rubric thực hành thực tế	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được đi thực hành thực tế ngoài trường.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), Giáo trình kỹ năng quản trị, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

M9. QUẢN TRỊ MARKETING NÂNG CAO (ADVANCED MARKETING MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 02 (18,16,8)
- Mã học phần: 3QK229
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về quản trị marketing trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường marketing; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường; Quản trị chiến lược sản phẩm; quản trị chiến lược giá; quản trị kênh phân phối; quản trị truyền thông và marketing tích hợp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên vận dụng thành thạo các kiến thức về môi trường marketing, phân tích thông tin khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các kiến thức về quản trị chiến lược marketing vào trong quá trình điều hành DN đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- CO2: Học viên quản trị được chiến lược sản phẩm, quản trị chiến lược giá, quản trị kênh phân phối, quản trị truyền thông và marketing tích hợp của doanh nghiệp mình.

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp của nhân viên Marketing, có tinh thần thái độ học tập tích cực, thực

hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu được các quan điểm quản trị Marketing; Vận dụng kiến thức về môi trường marketing, phân tích thông tin khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các kiến thức về quản trị chiến lược marketing.

- CLO2: Hoàn thiện kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh

- CLO3: Biết quản trị chiến lược sản phẩm, quản trị chiến lược giá, quản trị kênh phân phối, quản trị truyền thông và marketing tích hợp của doanh nghiệp mình.

- CLO4: Phát triển và hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phản biện

- CLO5: Thể hiện tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp của nhân viên Marketing

- CLO6: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, đạo đức trong kinh doanh

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về quản trị Marketing (LT 2, TH: 0, TL 2, Tự học: 10)

1. Marketing và quản trị marketing
2. Các khái niệm cơ bản khác

Chương 2: Phân tích môi trường marketing (LT 3, TH: 0, TL 2, Tự học: 10)

1. Môi trường marketing
2. Các khách hàng của doanh nghiệp
3. Phân tích đối thủ cạnh tranh

Chương 3: Phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu, định vị thị trường (LT 2, TH: 2, TL 2, Tự học: 15)

1. Phân khúc thị trường
2. Lựa chọn thị trường mục tiêu
3. Định vị thị trường

Chương 4: Quản trị chiến lược sản phẩm (LT 3, TH: 2, TL 2, Tự học: 10)

1. Chiến lược đối với sản phẩm
2. Chu kỳ sống của sản phẩm
3. Quyết định về bao gói
4. Chiến lược phát triển sản phẩm mới

Chương 5: Quản trị chiến lược giá (LT 2, TH: 4, TL 1, Tự học: 15)

1. Giới thiệu chung
2. Quy trình xác định giá cơ sở
3. Các chiến lược điều chỉnh giá từ giá cơ sở
4. Chủ động thay đổi giá và đáp ứng trước các thay đổi về giá

Chương 6: Quản trị kênh phân phối (LT 2, TH: 0, TL 2, Tự học: 15)

1. Khái niệm và các thành phần của kênh phân phối
2. Tổ chức và quản lý kênh phân phối

Chương 7: Quản trị truyền thông và marketing tích hợp (LT 2, TH: 2, TL 2, Tự học: 15)

1. Quảng cáo
2. Xúc tiến bán
3. Quan hệ công chúng
4. Bán hàng cá nhân
5. Marketing trực tiếp
6. Marketing tương tác

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x	
Tự học	x	x			x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x		x	x
Hướng dẫn	x	x				
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4	
...			CLO5	
			CLO6	
Đánh giá thường xuyên (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì (50%)				
1	Thi viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5,6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm Thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Kotler (2020), *Quản trị Marketing*, NXB Hồng Đức (sách dịch)

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Trương Đình Chiến (2023), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB Kinh tế quốc dân..

M10. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG TỔ CHỨC (STRATEGIC MANAGEMENT IN THE ORGANIZATION)

- Số tín chỉ: 03 (27,26,10)
- Mã học phần: 3QT202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết và kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp như: Tổng quan về chiến lược; Xác định nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey... Từ đó người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- CO2: có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng

- CO3: Học viên xây dựng, tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược phù hợp với bối cảnh thực tế

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Xác định được quy trình xây dựng chiến lược, Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của tổ chức và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến chiến lược của tổ chức

- CLO2: Xác định được các yếu tố bên trong và bên ngoài tổ chức ảnh hưởng đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược

- CLO3: Hiểu được đặc điểm của các chiến lược mà tổ chức có thể áp dụng

- CLO4: Phân tích môi trường và lựa chọn các chiến lược phù hợp với đặc điểm của tổ chức

- CLO5: Có khả năng tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược của tổ chức phù hợp với điều kiện của DN

- CLO6: Có tinh thần ham học hỏi và khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược (LT5:TL6:Tự học 25)

I. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó

1. Định nghĩa về quản trị chiến lược
2. Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong quản trị chiến lược
3. Ý nghĩa của quản trị chiến lược
4. Các quy trình quản trị chiến lược

II. Nhiệm vụ và Mục tiêu chiến lược kinh doanh

1. Xác định nhiệm vụ doanh nghiệp
2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

Chương 2: Phân tích đánh giá môi trường kinh doanh của Doanh nghiệp (LT5:TL10: Tự học 30)

I. Phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài DN

1. Môi trường kinh tế
2. Môi trường công nghệ
3. Môi trường văn hoá
4. Môi trường tự nhiên

5. Môi trường chính phủ, luật pháp và chính trị
6. Môi trường toàn cầu

II. Phân tích môi trường ngành

1. Phân tích đối thủ cạnh tranh hiện tại
2. Phân tích cạnh tranh tiềm ẩn
3. Phân tích nhà cung ứng
4. Phân tích khách hàng
5. Sản phẩm thay thế
6. Các nhóm chiến lược trong các ngành

III Phân tích đánh giá nội bộ doanh nghiệp, xác định các điểm mạnh và yếu

1. Đánh giá công tác quản trị
2. Công tác Marketing
3. Thực trạng công tác tài chính, kế toán
4. Công tác sản xuất và tác nghiệp
5. Đánh giá công tác nghiên cứu và phát triển (R&D)
6. Hệ thống thông tin

Chương 3: Phân tích và lựa chọn chiến lược (LT8:TH 10: Tự học 30)

I. Các kỹ thuật phân tích và định hướng chiến lược doanh nghiệp

1. Kỹ thuật phân tích Thế mạnh- Điểm yếu- Cơ hội và Nguy cơ (SWOT)
2. Ma trận đánh giá yếu tố bên trong và bên (Ma trận I-E)

II. Lựa chọn chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các căn cứ lựa chọn chiến lược
2. Phương pháp đánh giá các phương án chiến lược
3. Yêu cầu khi lựa chọn chiến lược
4. Các mô hình lựa chọn chiến lược kinh doanh

Chương 4: Tổ chức thực hiện chiến lược (LT5:TL5: Tự học 30)

I. Thực chất và ý nghĩa của việc tổ chức thực hiện chiến lược

1. Thực chất của công tác tổ chức thực hiện chiến lược
2. Vai trò và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược
3. Yêu cầu

II. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược

1. Thiết lập mục tiêu hàng năm
2. Đảm bảo các nguồn lực cho thực hiện chiến lược
3. Xây dựng cơ cấu tổ chức gắn với việc thực hiện chiến lược
4. Triển khai thực hiện chiến lược và các hoạt động điều chỉnh

5. Đánh giá việc thực hiện chiến lược

III. Hệ thống chính sách và kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược

1. Hệ thống chính sách hỗ trợ

2. Kế hoạch hoạt động

IV. Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược

1. Lựa chọn cơ cấu tổ chức gắn liền với thực hiện chiến lược

2. Các căn cứ lựa chọn cơ cấu tổ chức nhằm thực hiện chiến lược

3. Yêu cầu lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với việc thực thi chiến lược

Chương 5: Đánh giá và điều chỉnh chiến lược (LT4:TL5: Tự học 20)

I. Mục đích của kiểm tra và điều chỉnh chiến lược

1. Mục đích chung của công tác kiểm tra, đánh giá chiến lược

2. Vị trí của công tác kiểm tra, đánh giá

3. Các yêu cầu đối với công tác kiểm tra và đánh giá chiến lược

II. Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá

1. Các loại tiêu chuẩn

2. Tính chất của các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá chiến lược

III. Hệ thống thông tin kiểm tra và đánh giá chiến lược

1. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chiến lược và hệ thống thông tin

2. Bảo đảm cơ sở thông tin cho kiểm tra và đánh giá chiến lược

IV. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược

1. Quá trình đánh giá chiến lược

2. Điều chỉnh chiến lược

3. Cơ cấu doanh nghiệp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x		x
TL		x	x	x		x
Thực hành					x	
Hướng dẫn						
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Trắc nghiệm		CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
3	Thuyết trình BT nhóm hặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubric thuyết trình	CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
4	Điểm chuyên cần	Mức độ chuyên cần		
Đánh giá thường xuyên (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	1	
Thi cuối kì				
1	Thi viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Liam Fahey & Robert M.Randall (2009), *MBA trong tầm tay chủ đề Quản lý chiến lược*, NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh

2) Ngô Kim Thanh, Lê Minh Tâm (2009), *Bài tập quản trị Chiến lược*, NXB Đại học KTQD

M11. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT IN GLOBALIZATION CONTEXT)

- Số tín chỉ: 03 (27,28,8)

- Mã học phần: **3QT203**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu

- CO2: Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong tổ chức

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu

- CLO2: Hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự trong tổ chức

- CLO3: Có khả năng đánh giá nhân sự, tạo sự gắn kết trong nhân viên và tính toán thù lao nhân sự.

- CLO4: Sử dụng tốt 1 số công cụ trong quản trị nguồn nhân lực.

- CLO5: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản trị nguồn nhân lực cũng như các bộ phận khác trong tổ chức.

-CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực (LT 4; TH: 0; TL-BT 4; Tự học 15)

1.1. Quản trị nguồn nhân lực và tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực

1.1.1. Nguồn nhân lực và phân loại nguồn nhân lực

1.1.2. Khái niệm, vai trò, vị trí của quản trị nguồn nhân lực

1.1.3. Các mô hình quản trị nguồn nhân lực

1.2. Nội dung quản trị nguồn nhân lực

Chương 2: Hoạch định và tuyển dụng (LT 8; TH: 5; TL-BT 3; Tự học 25)

2.1. Hoạch định nguồn nhân lực

2.1.1. Tầm quan trọng và lợi ích của hoạch định nguồn nhân lực

2.1.2. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực trong tổ chức

2.1.3. Các yếu tố tác động đến hoạch định nguồn nhân lực

2.1.4. Một số công cụ dự báo nhu cầu nguồn nhân lực

2.1.5. Hoạch định nguồn nhân lực hiệu quả trong bối cảnh hiện nay

2.2. Tuyển dụng nguồn nhân lực

2.2.1. Chiến lược và chính sách tuyển dụng trong tổ chức

2.2.2 Tầm quan trọng của tuyển dụng trong quản trị nguồn nhân lực

2.2.3. Quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực trong tổ chức

2.2.5. Xu hướng tuyển dụng trong tương lai

Chương 3: Phát triển nguồn nhân lực (LT 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)

3.1. Đào tạo và phát triển nhân lực

3.1.1. Đào tạo, học tập và phát triển trong bối cảnh công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số

3.1.2. Các lý thuyết học tập

3.2. Quản trị năng lực

3.2.1. Năng lực và chu kỳ năng lực

Chương 4: Gắn kết nhân viên, thành tích và thù lao (LT 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 30)

4.1. Gắn kết nhân viên

4.1.1. Gắn kết nhân viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức

4.1.2. Đo lường mức độ gắn kết

4.1.3. Xây dựng môi trường làm việc gắn kết: Mục tiêu, Chiến lược và Thách thức

4.2. Đánh giá và quản trị thành tích làm việc

4.2.1. Mục tiêu của quản trị thành tích làm việc

4.2.2. Quy trình, nội dung đánh giá và quản trị thành tích làm việc

4.3. Thù lao và phúc lợi

4.3.1. Khái niệm, hình thức thù lao và tiền thưởng

Chương 5: Quản trị nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (LT 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)

5.1 Đổi mới quản trị nguồn nhân lực

5.1.1. Quản trị nhân lực và quá trình đổi mới

5.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới quản trị nhân lực trong tổ chức

5.1.3 Các xu hướng hiện đại trong đổi mới quản trị nguồn nhân lực

5.2 Quản trị nguồn nhân lực tại SMEs: Hiện tại và tương lai

5.2.1. Quản trị nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong SME

5.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực trong SME

5.2.3. Xu hướng quản trị nguồn nhân lực tại SMEs

Chương 6: Thực tế về công tác quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức (LT 0; TH: 5; TL-BT 1; Tự học 15)

1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

2. Xây dựng kế hoạch chương trình tham quan học tập thực tế

3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

4 Tổ chức các hoạt động tham quan thực tế

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1 CLO2,3,5	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubic thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubic thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO6		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubic chuyên cần	CLO1,2,6		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,4,5,6	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2016), Giáo trình Quản trị nhân lực căn bản, NXB Thống Kê, Hà Nội..

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2012), Giáo trình Quản trị nhân lực, NXB Thống kê, Hà Nội.

M12. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LEADERSHIP AND MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 03 (27,28,8)
- Mã học phần: 3QT204
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bản chất, năng lực lãnh đạo và quản lý; các cách thức rèn luyện kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ cần có để trở thành nhà lãnh đạo, quản lý hiệu quả. Cụ thể tập trung vào các nội dung tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý tài chính, nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng thành thạo kiến thức về lãnh đạo và quản lý vào trong thực tiễn hoạt động điều hành của tổ chức, doanh nghiệp.

- CO2: Xây dựng được tầm nhìn chiến lược cho tổ chức trong ngắn và dài hạn; Biết cách truyền cảm hứng và tạo động lực trong quản trị nhân sự và quản trị nhóm hiệu quả. Xác định vấn đề và ra quyết định điều hành tổ chức, doanh nghiệp hiệu quả.

- CO3: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc. Tự tin và khoa học trong thực hiện các nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa lãnh đạo và quản lý; vận dụng thành thạo kiến thức về lãnh đạo và quản lý vào trong thực tiễn hoạt động điều hành của tổ chức, doanh nghiệp.

- CLO2: Thành thạo các kỹ năng quản lý và lãnh đạo như xây dựng tầm nhìn chiến lược, truyền cảm hứng, tạo động lực trong quản trị nhân sự và quản trị nhóm hiệu quả. Xác định được vấn đề và ra quyết định điều hành tổ chức, doanh nghiệp.

- CLO3: Biết cách lắng nghe và giao tiếp hiệu quả; tự tin thuyết trình trước tập thể và điều hành tổ chức cuộc họp hiệu quả.

- CLO4: Hình thành các phẩm chất cần thiết của nhà lãnh đạo và quản lý, từ đó vận dụng trong quá trình công tác thực tiễn; Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài

liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương I: Tổng quan về lãnh đạo và quản lý (LT4: TL4; Tự học 20)

I. Tổng quan về lãnh đạo

1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo
2. Năng lực lãnh đạo
3. Phương pháp lãnh đạo
4. Phong cách lãnh đạo

II. Tổng quan về quản lý

1. Khái niệm và vai trò của quản lý
2. Năng lực quản lý
3. Phương pháp quản lý
4. Các cấp quản lý trong tổ chức

III. Lịch sử phát triển khoa học lãnh đạo và quản lý

1. Các quan điểm lãnh đạo
2. Các trường phái quản lý

IV. Sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản lý

Chương 2: Kiến thức lãnh đạo và quản lý (LT4:TL4: Tự học 20)

I. Kiến thức chung

1. Kiến thức về môi trường vĩ mô
2. Kiến thức về môi trường vi mô

II. Kiến thức chuyên môn

1. Kiến thức về quản trị nhân sự
2. Kiến thức về quản trị tổ chức

III. Phương pháp nâng cao kiến thức lãnh đạo & quản lý

1. Tự đánh giá năng lực kiến thức
2. Quá trình tự học hỏi nâng cao kiến thức

Chương 3: Kỹ năng lãnh đạo (LT8:TL10: Tự học 35)

I. Kỹ năng xây dựng tầm nhìn và truyền cảm hứng

1. Kỹ năng xây dựng tầm nhìn
2. Kỹ năng truyền cảm hứng

II. Kỹ năng tạo động lực

1. Khái niệm và vai trò của tạo động lực
2. Các học thuyết tạo động lực
3. Phương pháp tạo động lực

III. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình

1. Kỹ năng giao tiếp

2. Kỹ năng thuyết trình

IV. Kỹ năng quản trị sự thay đổi và giải quyết xung đột

1. Kỹ năng quản trị sự thay đổi

2. Kỹ năng quản trị xung đột

V. Kỹ năng quản trị cảm xúc

1. Khái niệm và vai trò của quản trị cảm xúc

2. Cách thức quản trị cảm xúc

Chương 4: Kỹ năng quản lý (LT8:TL8: Tự học 35)

I. Kỹ năng quản lý nhân sự

1. Kỹ năng thu hút và giữ chân nhân tài

2. Kỹ năng đánh giá nhân sự

3. Kỹ năng quản trị nhóm làm việc

4. Kỹ năng quản trị thành viên cá biệt

II. Kỹ năng quản lý tổ chức

1. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

2. Kỹ năng giải quyết vấn đề

3. Kỹ năng ra quyết định

4. Kỹ năng tổ chức cuộc họp

Chương 5: Phẩm chất lãnh đạo và quản lý (LT3:TL4: Tự học 15)

I. Khái niệm và vai trò của phẩm chất lãnh đạo và quản lý

1. Khái niệm phẩm chất lãnh đạo

2. Vai trò của phẩm chất lãnh đạo

II. Những phẩm chất cần có để trở thành nhà lãnh đạo hiệu quả

1. Tự tin

2. Thông minh sáng tạo

3. Tầm nhìn

4. Chấp nhận rủi ro và chịu trách nhiệm

III. Những phẩm chất cần có để trở thành nhà quản lý tài giỏi

1. Bao quát toàn diện

2. Kỷ luật

3. Kiên nhẫn...

IV. Phương pháp rèn luyện phẩm chất lãnh đạo và quản lý

Chương 6: Thực hành thực tế về kỹ năng lãnh đạo và quản lý (LT0:TH 8: Tự học 10)

1. Lựa chọn địa điểm học thực hành thực tế

2. Xây dựng kế hoạch chương trình tham quan học tập thực tế

3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu

4. Tổ chức các hoạt động tham quan thực tế

5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x	x
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO2 CLO3 CLO4		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,3,4		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3		50%
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được đi thực hành thực tế ngoài trường.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2018), *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân (Q1)

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

John C.Maxwell (2012), Phát triển kỹ năng lãnh đạo (Developing the Leader within You), NXB Lao động-Xã hội. (Q3)

M13.1. HÀNH VI TỔ CHỨC (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR)

- Số tín chỉ: 03 (27,26,10)
- Mã học phần: 3QT205
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức, Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể vận dụng thành thạo các kiến thức về hành vi tổ chức vào quá trình điều hành quản trị doanh nghiệp vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- CO2: Học viên hình thành tư duy và ra được các quyết định đúng đắn dựa vào việc hiểu và kiểm soát được các hành vi cá nhân trong quản trị nhân sự của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực thông qua việc áp dụng các học thuyết tạo động lực, giao tiếp và giải quyết các xung đột trong doanh nghiệp

- CO3: Học viên đề xuất được các ý tưởng sáng tạo trong quản trị hành vi và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về hành vi tổ chức vào quá trình điều hành quản trị doanh nghiệp.

- CLO2: Ra được các quyết định đúng đắn dựa vào việc hiểu và kiểm soát được các hành vi cá nhân trong quản trị nhân sự của doanh nghiệp.

- CLO3: Nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực thông qua việc áp dụng các học thuyết tạo động lực, giao tiếp và giải quyết các xung đột trong doanh nghiệp.

- CLO4: Đề xuất được các ý tưởng sáng tạo trong quản trị hành vi và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học.

- CLO5: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề trong doanh nghiệp liên quan đến hành vi của tổ chức và ra được các quyết định quản trị doanh nghiệp

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về hành vi tổ chức (LT 3; TL 2; Tự học 15)

I. Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức

1. Hành vi tổ chức
2. Vai trò của hành vi tổ chức

II. Chức năng của hành vi tổ chức

1. Chức năng giải thích
2. Chức năng dự đoán
3. Chức năng kiểm

III. Quan hệ giữa hành vi tổ chức và các khoa học khác

IV. Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức

Chương 2: Hành vi cá nhân và ra quyết định (LT 4; TL 4; Tự học 25)

I. Cơ sở của hành vi cá nhân

1. Thái độ
2. Tính cách
3. Nhận
4. Học hỏi

II. Ra quyết định cá nhân

1. Quá trình ra quyết định
2. Ra quyết định cá nhân trên thực
3. Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định cá nhân

5. Nâng cao hiệu quả ra quyết định

Chương III: Tạo động lực cho người lao động (LT 4; TL 4; Tự học 25)

I. Động lực của cá nhân trong tổ chức

1. Khái niệm về động lực cá nhân
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực cá nhân

II. Các học thuyết tạo động lực cá nhân trong tổ chức

1. Thuyết X và thuyết Y
2. Học thuyết hai yếu tố Herzberg
3. Học thuyết ba nhu cầu (MC Clelland)
4. Học thuyết kỳ vọng (Victor Vroom)
5. Học thuyết công bằng (J. Stacy Adam)

VI. Tạo động lực trong các tổ chức ở Việt Nam

1. Những vấn đề đặt ra trong tạo động lực
2. Vận dụng các học thuyết tạo động
3. Các chương trình quản lý nhằm tạo động lực

Chương IV: Hành vi nhóm lãnh đạo và quyền lực (LT 4; TL 4; TH 5 Tự học 34)

I. Cơ sở của hành vi nhóm

1. Khái niệm và phân loại nhóm
2. Lý do và các giai đoạn hình thành, phát triển nhóm
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm

II. Quyết định

1. Quyết định cá nhân và quyết định
2. Tư duy nhóm và việc ra quyết

III. Lãnh đạo và quyền lực

1. Lãnh đạo và quyền lực: khái niệm, mối quan hệ và sự khác b
2. Các học thuyết về lãnh
3. Các loại quyền lực và cơ sở của chúng

Chương V: Giao tiếp, xung đột và đàm phán (LT 4; TL 5; TH5 Tự học 25)

I. Giao tiếp trong tổ chức

II. Xung đột trong tổ chức

III. Đàm phán trong tổ chức

Chương VI: Cơ cấu và văn hoá tổ chức (LT 3; TL 4; Tự học 15)

I. Cơ cấu tổ chức

1. Khái niệm và tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức
2. Các yếu tố then chốt cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức

II. Văn hoá tổ chức

1. Khái niệm văn hóa tổ chức
2. Tác động của văn hoá tổ chức tới hành vi nhân viên

Chương VII: Quản lý sự thay đổi trong tổ chức và quản lý sự căng thẳng trong công việc (LT 4; TL 3; Tự học 15)

I. Quản lý sự thay đổi

1. Các áp lực thúc đẩy sự thay đổi
2. Quản lý sự thay đổi có kế hoạch

II. Quản lý sự căng thẳng trong công việc

1. Nguyên nhân căng thẳng trong công việc
2. Giải pháp giải quyết căng thẳng trong công việc

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x			
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), Giáo trình kỹ năng quản trị, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Phạm Thúy Hương & Phạm Thị Bích Ngọc (2018), Giáo trình Hành vi tổ chức, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

2) Dương Thị Liễu (2013), Văn hóa kinh doanh, NXB đại học kinh tế quốc dân

M13.2. RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ (MANAGERIAL DECISION MAKING)

- Số tín chỉ: 03 (27,26,10)

- Mã học phần: 3QT206

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần đi sâu phân tích bản chất của vấn đề quản trị và quy trình đưa ra quyết định quản trị, gồm 5 phần chính: Vấn đề và bản chất của vấn đề; Mô hình ra quyết định quản trị; Quy trình và các phương pháp ra quyết định quản trị; Các kỹ thuật trong ra quyết định quản trị; Văn hóa và ra quyết định.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên hiểu và vận dụng được các kiến thức về ra quyết định quản trị để phân tích bối cảnh,

- CO2: học viên vận dụng các quy trình, phương pháp và kỹ thuật ra quyết định phù hợp với bối cảnh thực tế

- CO3: Học viên xây dựng được các phương án, phân tích được vấn đề và ra các quyết định quản trị trong doanh nghiệp một cách hiệu quả

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Xác định các loại quyết định, các cấp ra quyết định trong tổ chức; Sử dụng được các phương pháp ra quyết định quản trị; Xác định được các bước trong quy trình ra quyết định quản trị

- CLO2: Xác định được quy trình và sử dụng được các phương pháp ra quyết định quản trị, Áp dụng được các kỹ thuật ra quyết định quản trị

- CLO3: Vận dụng các kỹ thuật ra quyết định quản trị phù hợp

- CLO4: Vận dụng các kỹ năng lãnh đạo và am hiểu văn hóa trong ra quyết định quản trị

- CLO5: Biết cách phân tích thông tin giao tiếp hiệu quả và tự tin thuyết trình trước tập thể

- CLO6: Có tinh thái độ tích cực và khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề ra quyết định quản trị để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về ra quyết định quản trị (LT5:TH0:TL5)

1. Khái quát về quản trị, quyết định quản trị

1.1 Khái quát về quản trị

1.2 Khái quát về quyết định quản trị

2. Ra quyết định quản trị

2.1 Khái niệm

2.2 Vai trò

2.3 Nguyên tắc

2.4 Nội dung ra quyết định quản trị

3. Cấp quản trị và phân loại quyết định quản trị

3.1 Cấp quản trị trong doanh nghiệp

3.2 Các loại quyết định quản trị trong doanh nghiệp

Chương 2: Quy trình và phương pháp ra quyết định quản trị (LT5:TH0:TL8)

1. Quy trình ra quyết định (các bước ra quyết định)

1.1 Xác định vấn đề ra quyết định (vấn đề là gì? Nguồn gốc vấn đề? Các phương pháp xác định vấn đề)

1.2 Phân tích nguyên nhân/điều kiện ra quyết định

1.3 Phân tích phương án ra quyết định

- 1.4 Đánh giá phương án
- 1.5 Lựa chọn phương án tối ưu (Đặc điểm PA tối ưu; tiêu chí lựa chọn PA tối ưu)
- 1.6 Ra quyết định
- 1.7 Đánh giá và điều chỉnh quyết định

2. Phương pháp ra quyết định quản trị

- 2.1 Phương pháp chuyên quyền
- 2.2 Phương pháp phán quyết cuối cùng
- 2.3 Phương pháp nhóm tri thức
- 2.4 Phương pháp cố vấn
- 2.5 Phương pháp luật số đông

3. Thực hành phương pháp ra quyết định quản trị

Chương 3: Các kỹ thuật ra quyết định quản trị (LT6:TH0:TL8)

1. Các kỹ thuật tư duy ra quyết định

- 1.1 Tư duy nhóm
- 1.2 Tư duy sáng tạo

2. Kỹ thuật phân tích bối cảnh

- 2.1 Lựa chọn nhân sự thích hợp tham gia
- 2.2 Bố trí không gian họp bàn ra quyết định
- 2.3 Thống nhất cách thức ra quyết định
- 2.4 Đối thoại cơ mở trong ra quyết định
- 2.5 Dung hoà

3. Phát huy trí tuệ tập thể trong ra quyết định

- 3.1 Ưu điểm của ra quyết định dựa trên trí tuệ tập thể
- 3.2 Các điều kiện phát huy trí tuệ tập thể
- 3.3 Sự đa dạng ý kiến
- 3.4 Sự độc lập
- 3.5 Sự phi tập trung
- 3.6 Sự phối hợp

4. Lôi cuốn nhân viên trong quá trình ra quyết định

- 4.1 Các phương thức lôi cuốn
- 4.2 Phân quyền và uỷ quyền

Chương 4: Ra quyết định quản trị doanh nghiệp (LT6:TH10:TL0)

1. Ra quyết định quản trị chiến lược

- 1.1 Phân tích bối cảnh
- 1.2 Phân tích điều kiện

1.3 Thực hiện ra quyết định quản trị chiến lược

2. Ra quyết định quản trị chiến thuật

2.1 Phân tích bối cảnh

2.2 Phân tích điều kiện

2.3 Thực hiện ra quyết định quản trị chiến thuật

3. Ra quyết định quản trị tác nghiệp

3.1 Phân tích bối cảnh

3.2 Phân tích điều kiện

3.3 Thực hiện ra quyết định quản trị tác nghiệp

Chương 5: Vai trò của lãnh đạo và văn hóa ra quyết định (LT5:TH0:TL5)

1. Vai trò của lãnh đạo trong ra quyết định

2. Các năng lực cần có của lãnh đạo để ra quyết định hiệu quả

2.1 Kiến thức về ra quyết định

2.2 Kỹ năng ra quyết định

2.4 Phẩm chất, thái độ trong ra quyết định

2.4 Thói quen ra quyết định hiệu quả

3. Văn hoá ra quyết định

3.1 Văn hoá doanh nghiệp

3.2 Phong cách ra quyết định

3.3 Sự hoà hợp giữa VHDN và Quyết định quản trị

3.4 Ra quyết định trên sự đa dạng và khác biệt văn hoá

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x		x
TL		x	x	x		x
Thực hành					x	
Hướng dẫn						
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3,5	30%
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO5	
			CLO6	
Đánh giá thường xuyên (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,5,6	20%
Thi cuối kì (50%)				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Hoàng Văn Hải (2019), Ra quyết định quản trị, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

2) Lê Thị Lan (2018), *Tác động của các nhân tố tới quyết định đầu tư của các DN vào KKT Nghi Sơn*, Thanh Hóa, NXB Hồng Đức

M14.1. QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP (CO-OPERATION MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 03 (27,28,8)

- Mã học phần: 3QT207

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng quản trị nhằm đạt được các mục tiêu về chi phí, chất lượng, tốc độ và linh hoạt trong quá trình tác nghiệp tại các đơn vị sản xuất kinh doanh. Cụ thể học phần sẽ tập trung vào nội dung dự báo nhu cầu khách hàng, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, lựa chọn địa điểm định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng tác; lập lịch trình tác nghiệp, hoạt định tổng hợp, quản trị chất lượng và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể nghiên cứu nhu cầu thị trường, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng tác nghiệp, lập lịch trình tác nghiệp trong doanh nghiệp/tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu về chất lượng, chi phí, tốc độ và sự linh hoạt.

- CO2: Người học có khả năng xây dựng quy trình quản lý chất lượng và quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ thương mại.

- CO3: Người học tự tin trao đổi, thực hiện các nhiệm vụ tác nghiệp trong tổ chức; Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Thành thạo trong nghiên cứu và dự báo nhu cầu khách hàng, khối lượng sản phẩm dịch vụ, thiết kế được sản phẩm dịch vụ phù hợp nhu cầu khách hàng.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và ra quyết định về vị trí đặt doanh nghiệp, cách thức sắp xếp bố trí mặt bằng tác nghiệp, lựa chọn quy trình tác nghiệp và ra các quyết định tổng hợp với chi phí thấp nhất, chất lượng, tốc độ và sự linh hoạt cao nhất.

- CLO3: Phân tích, đánh giá và vận hành được quy trình quản lý chất lượng và quản trị chuỗi cung ứng phù hợp cho doanh nghiệp

- CLO4: Tự tin trong xây dựng kế hoạch tác nghiệp, trình bày và bảo vệ kế hoạch tác nghiệp; thành thạo trong giao tiếp, điều hành và ra các quyết định quản trị tác nghiệp

- CLO5: Tự tin trao đổi, thực hiện các nhiệm vụ tác nghiệp trong tổ chức; Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề QTTN để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về quản trị tác nghiệp (LT2, TL3; Tự học 15)

I/ Thực chất của quản trị tác nghiệp

- 1/ Khái niệm quản trị tác nghiệp
- 2/ Mục tiêu của quản trị tác nghiệp

II/ Nội dung chủ yếu của quản trị tác nghiệp

- 1/ Phân tích, dự báo nhu cầu và Thiết kế sản phẩm dịch vụ
- 3/ Định vị doanh nghiệp và bố trí mặt bằng tác nghiệp
- 4/ Điều động trong sản xuất, dịch vụ
- 5/ Hoạch định tổng hợp
- 6/ Quản trị chất lượng
- 7/ Quản trị chuỗi cung ứng.

III/ Quá trình phát triển và xu hướng vận động của quản trị tác nghiệp

- 1/ Lịch sử hình thành và phát triển của quản trị tác nghiệp
- 2/ Xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp

Chương 2: Phân tích, dự báo nhu cầu khách hàng và thiết kế sản phẩm, dịch vụ (LT5, TL6 ; tự học 30)

I/ Phân tích nhu cầu khách hàng

1. Khách hàng và nhu cầu khách hàng
2. Các phương pháp phân tích nhu cầu khách hàng

II/ Dự báo nhu cầu khách hàng

1. Thực chất và vai trò của dự báo trong quản trị sản xuất
2. Các nhân tố tác động đến dự báo nhu cầu
3. Các phương pháp dự báo nhu cầu
4. Giám sát và kiểm soát dự báo

III/ Tư duy thiết kế sản phẩm, dịch vụ (design thinking)

1. Bản chất của thiết kế sản phẩm dịch vụ
2. Nhân tố ảnh hưởng đến thiết kế sản phẩm dịch vụ
3. Tư duy thiết kế (design thinking)

Chương 3 Bố trí mặt bằng tác nghiệp (LT4 , TL4; Thực hành 8; tự học 20)

I/ Định vị doanh nghiệp

1. Thực chất và vai trò của định vị doanh nghiệp
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến định vị doanh nghiệp
3. Các phương pháp đánh giá phương án định vị doanh nghiệp

II/ Bố trí mặt bằng tác nghiệp

1. Khái quát về bố trí mặt bằng
2. Các hình thức bố trí mặt bằng
3. Thiết kế phương án bố trí mặt bằng theo sản phẩm
4. Thiết kế phương án bố trí mặt bằng theo quá trình
5. Thiết kế phương án bố trí mặt bằng đặc thù (văn phòng, siêu thị, kho)

III. Thăm quan, thực tế doanh nghiệp tìm hiểu về bố trí mặt bằng tác nghiệp

Chương 4: Điều động trong sản xuất, dịch vụ (LT4 , TL4; tự học 20)

I/ Khái quát về điều động trong tác nghiệp

1. Khái niệm
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của điều động trong tác nghiệp
3. Quy trình điều động trong tác nghiệp

II/ Các phương pháp điều động trong tác nghiệp

1. Sắp xếp thứ tự tối ưu trong tác nghiệp
2. Các nguyên tắc ưu tiên trong phân giao N công việc trên một máy
3. Phương pháp phân công N công việc cho 2 máy (Nguyên tắc Johnson)
4. Phương pháp phân công N công việc cho N máy
5. Phương pháp sơ đồ GANTT

III. Thảo luận tình huống thực tế doanh nghiệp về điều động tác nghiệp

Chương 5 : Hoạch định tổng hợp (LT4 , TL3; tự học 15)

I/ Quá trình hoạch định tổng hợp

1. Khái niệm
2. Mối quan hệ của hoạch định tổng hợp
3. Những chiến lược trong việc hoạch định tổng hợp

II/ Các phương pháp hoạch định tổng hợp

1. Phương pháp trực quan
2. Phương pháp biểu đồ và phân tích chiến lược

Chương 6: Quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ (LT4 , TL4; tự học 15)

I/ Khái quát về quản lý chất lượng

1. Khái niệm
2. Vai trò của quản lý chất lượng

II/ Các triết lý quản lý chất lượng

III/ Chức năng của quản lý chất lượng

1. Chức năng hoạch định
2. Chức năng tổ chức
3. Chức năng kiểm soát
4. Chức năng kích thích
5. Chức năng điều chỉnh điều hoà phối hợp

IV/ Các mức độ quản lý chất lượng

1. Kiểm tra chất lượng
2. Kiểm soát chất lượng
3. Đảm bảo chất lượng
4. Quản lý chất lượng toàn diện

V/ Nguyên tắc quản lý chất lượng

1. Quản lý chất lượng phải được định hướng bởi khách hàng
2. Coi trọng con người trong quản lý chất lượng
3. Quản lý chất lượng phải đồng bộ
4. Quản lý chất lượng phải được thực hiện đồng thời với yêu cầu đảm bảo và cải tiến chất lượng
5. Quản lý chất lượng theo quá trình
6. Nguyên tắc kiểm tra

Chương 7: Quản trị chuỗi cung ứng (LT4, TL4; tự học 15)

I/ Khái quát về chuỗi cung ứng

II/ Hoạt động điều hành chuỗi cung ứng

1. Hoạch định và tìm nguồn cung ứng
2. Sản xuất và phân phối

III/ Công nghệ thông tin chuỗi cung ứng

IV/ Đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng

V/ Mô hình ứng dụng trong quản lý chuỗi cung ứng

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x	
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Thi viết/trắc nghiệm	Đáp án/rubric thi viết	CLO1 CLO2	30%
2	Bài thảo luận nhóm, bài thu hoạch thực hành thực tế	Rubric thảo luận nhóm/rubric thực hành thực tế	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5,	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO5	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric	CLO1, CLO5	20%
Thi cuối kì				
1	Thi viết/vấn đáp	Đáp án thi viết/Rubric thi vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được đi thực hành thực tế ngoài trường.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

PGS. TS Nguyễn Thành Hiếu, TS Trương Đức Lực, TS Nguyễn Đình Trung (2018) *Giáo trình Quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học KTQD [Q1]

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Trần Đức Lộc (2008) *Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Tài chính [Q3].

M14.2. QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SUPPLY CHAIN MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 03 (27,26,10)

- Mã học phần: **3QT208**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các khái niệm quản trị chuỗi cung ứng, các quy trình chuỗi cung ứng (Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối), ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể nắm vững kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng như: Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối, ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng

- CO2: Người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để điều hành hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp; Có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động cung ứng của doanh nghiệp.

- CO3: Người học có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản trị chuỗi cung ứng để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

- CLO2: Dự báo nhu cầu và lập kế hoạch, quản trị đơn đặt hàng, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuỗi cung ứng, đo lường hiệu suất hoạt động của thị trường

- CLO3: Có khả năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng hoàn chỉnh cho doanh nghiệp

- CLO4: Sử dụng tốt 1 số công cụ trong quản trị chuỗi cung ứng.

- CLO5: Đánh giá được hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp

-CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản trị chuỗi cung ứng để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương I: Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng (LT 4; TH: 0; TL-BT 5; Tự học 20)

1. Khái niệm cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng
2. Vai trò, ý nghĩa quản trị chuỗi cung ứng
3. Cách thức hoạt động của chuỗi cung ứng
4. Cấu trúc chuỗi cung ứng

Chương II: Quy trình hoạch định và thu mua (LT 4; TH: 0; TL-BT 5; Tự học 20)

1. Mô hình hoạt động chuỗi cung ứng hiệu quả
2. Dự báo nhu cầu và lập kế hoạch
3. Quản trị hàng tồn kho
4. Quản trị thu mua

Chương III: Quy trình sản xuất và phân phối (LT 5; TH: 0; TL-BT 7; Tự học 25)

1. Thiết kế sản phẩm
2. Điều độ sản xuất
3. Quản lý nhà máy sản xuất
4. Quản trị đơn đặt hàng
5. Kế hoạch phân phối

Chương IV: Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng (LT 5; TH: 0; TL-BT 7; Tự học 25)

1. Hệ thống thông tin hỗ trợ chuỗi cung ứng
2. Thu thập số liệu và truyền đạt dữ liệu
3. Những khuynh hướng mới trong ứng dụng công nghệ vào chuỗi cung ứng
4. Đánh giá nhu cầu công nghệ và hệ thống
5. Thương mại điện tử và ứng dụng thương mại điện tử trong quản trị chuỗi cung

ứng

Chương V: Hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng (LT 4; TH:0; TL-BT 5; Tự học 20)

1. Đo lường hiệu suất hoạt động của thị trường
2. Thang đo lường hiệu suất hoạt động
3. Hệ thống đo lường dịch vụ khách hàng
4. Hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động nội bộ
5. Hệ thống đo lường khả năng phản ứng linh hoạt trước biến động cầu.

Chương VI: Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng (LT 5; TH:0; TL-BT 7 ; Tự học 25)

1. Tổ chức dự án phát triển hệ thống
2. Thiết kế hệ thống chuỗi cung ứng
3. Quy trình thiết kế hệ thống

4. Kiểm tra & đưa hệ thống vào sử dụng

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	
Tự học	x	x	x			x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	
Hướng dẫn	x	x	x			
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1 CLO2,3,5	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubic thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubic thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO6		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubic chuyên cần	CLO1,2,6		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,4,5,6	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB ĐHKQTĐ

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Lê Công Hoa (2018), *Quản trị hậu cần*, NXB Kinh tế quốc dân

M15.1. QUAN HỆ CÔNG CHÚNG (PUBLIC RELATION)

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã học phần: **3QT209**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về quan hệ công chúng. Hoạt động quan hệ công chúng của mỗi doanh nghiệp/tổ chức được thực hiện qua một tập hợp gồm các mảng chức năng: quan hệ đối nội, quan hệ với giới truyền thông, quản trị khủng hoảng, tổ chức sự kiện; quan hệ cộng đồng; quan hệ với nhà đầu tư và hoạt động tài trợ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể hiểu được những vấn đề đạo đức và pháp lý liên quan đến hoạt động quan hệ công chúng; Hiểu được tầm quan trọng của quan hệ công chúng cộng đồng, quy trình quan hệ công chúng cộng đồng và những chức năng cơ bản của quan hệ cộng đồng; Hiểu được chiến lược truyền thông trong khủng hoảng và các bước để đối phó khủng hoảng.

- CO2: Học viên quản trị được các công việc của nhân viên PR; Thành thạo kỹ năng giao tiếp với một số công chúng điển hình; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phản biện; Biết lên kế hoạch tổ chức sự kiện và có thể lập kế hoạch tổ chức sự kiện cụ thể; Biết cách lắng nghe và giao tiếp hiệu quả; tự tin thuyết trình trước tập thể.

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp của người làm công tác PR, có tinh thần thái độ học tập tích cực, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về quan hệ công chúng trong quá trình điều hành doanh nghiệp.
- CLO2: Thành thạo các kỹ năng thực hiện các công việc PR.
- CLO3: Thành thạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm với một số công chúng điển hình
- CLO4: Biết lên kế hoạch tổ chức sự kiện và có thể lập kế hoạch tổ chức sự kiện cụ thể
- CLO5: Thể hiện tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp của người làm công tác PR
- CLO6: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, đạo đức và trong PR.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về quan hệ công chúng (LT4, TH0, TL3, Tự học: 20)

- 1.1. Bản chất của hoạt động quan hệ công chúng (PR)
- 1.2. Các bộ phận cấu thành của hoạt động quan hệ công chúng
- 1.3. Phân biệt hoạt động quan hệ công chúng và các hoạt động truyền thông khác
- 1.4. Vấn đề đạo đức và luật pháp trong quan hệ công chúng

Chương 2: Hoạch định chương trình PR (LT5, TH3, TL3, Tự học: 20)

- 2.1. Tầm quan trọng của chương trình PR
- 2.2. Hoạch định chương trình PR
- 2.3. Các bước thực hiện một chương trình PR
- 2.4. Đánh giá chương trình PR

Chương 3: Hoạt động quan hệ công chúng đối với một số công chúng điển hình (LT4, TH3, TL3, Tự học: 20)

- 3.1. Các nhóm công chúng điển hình của quan hệ công chúng
- 3.2. Quan hệ và truyền thông nội bộ
- 3.3. Quan hệ với giới truyền thông
- 3.4. Quan hệ cộng đồng
- 3.5. Quan hệ với nhà đầu tư

Chương 4: Tổ chức sự kiện (LT4, TH4, TL3, Tự học: 25)

- 4.1. Bản chất của tổ chức sự kiện
- 4.2. Các thành phần chủ yếu trong bản kế hoạch sự kiện
- 4.3. Các công việc chủ yếu trong hoạt động tổ chức sự kiện

Chương 5: Quản trị khủng hoảng (LT5, TH4, TL3, Tự học: 25)

- 5.1. Dự luận và dòng chảy dự luận
- 5.2. Quản trị khủng hoảng

Chương 6: Hoạt động tài trợ (LT5, TH4, TL3, Tự học: 25)

- 6.1. Khái niệm về tài trợ
- 6.2. Công chúng và các mục tiêu của hoạt động tài trợ sự kiện
- 6.3. Các loại hình và các thành phần tham gia vào tài trợ
- 6.4. Quy trình tài trợ
- 6.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc xem xét lựa chọn chủ thể để tài trợ
- 6.6. Tài sản tài trợ.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x	x	
TL	x	x	x	x	x	
Thực hành		x	x	x		x
Hướng dẫn	x		x	x		
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Thi viết/trắc nghiệm	Đáp án/rubric thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO2,3,4,5,6	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric	CLO 1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kì				
1	Thi viết	Đáp án thi viết	CLO 1 đến 6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Học liệu bắt buộc

Ngô Minh Cách (2015), *Giáo trình Quan hệ công chúng*, NXB Tài chính.

Học liệu tham khảo

1) Nguyễn Đình Toàn (2107), *Bài giảng Quan hệ công chúng*, NXB ĐH KTQD

2) Trương Đình Chiến (2023), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB Kinh tế quốc dân.

M15.2. QUẢN TRỊ RỦI RO (RISK MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 3 (27,26,10)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mã HP: 3QT210

1. Mô tả học phần:

Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tuân thủ, rủi ro báo cáo, rủi ro chiến lược... được giới thiệu trong học phần để giúp người học có kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo tiêu chuẩn mới nhất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới áp dụng như ISO 31000:2009 và COSO ERM.

- CO2: Vận dụng được các giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động là vi mô và vĩ mô.

- CO3: Xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro của doanh nghiệp.

- CO4: Thành thạo kỹ năng nhận biết các rủi ro tác động đến doanh nghiệp.

- CO5: Thành thạo các kỹ năng phân tích, đánh giá và bước đầu áp dụng các phương pháp lượng hóa những thiệt hại do các rủi ro tác động

- CO6: Thành thạo trong xác định được các công cụ quản trị rủi ro để có thể đề xuất những biện pháp quản trị một cách hợp lý, hiệu quả trong doanh nghiệp.

- CO7: Có khả năng tự nghiên cứu sâu hơn về quản trị rủi ro doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới;

- CLO2: Vận dụng được các giải pháp, công cụ quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động

- CLO3: Xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro

- CLO4: Ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro của doanh nghiệp.

- CLO5: Thành thạo các kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và bước đầu áp dụng các công cụ, phương pháp lượng hóa những thiệt hại do các rủi ro tác động và có thể đề xuất những biện pháp quản trị một cách hợp lý, hiệu quả trong doanh nghiệp.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về rủi ro và rủi ro trong doanh nghiệp (LT 6; TL 5)

1.1. Những vấn đề cơ bản về rủi ro

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại rủi ro

1.1.3. Đánh giá chi phí trong quản trị rủi ro

1.2. Rủi ro doanh nghiệp

1.2.1. Tổng quan các quan điểm quản trị rủi ro doanh nghiệp

1.2.2. Phân loại rủi ro doanh nghiệp

1.2.3. Nhận biết rủi ro doanh nghiệp

1.2.4. Hệ quả của rủi ro đối với doanh nghiệp

Chương 2: Những vấn đề cơ bản về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp (LT 6; TL 6)

2.1. Một số vấn đề cơ bản

2.1.1. Khái niệm quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.1.2. Vai trò của quản trị rủi ro doanh nghiệp.

2.2. Nguyên tắc và phương pháp tiếp cận quản trị rủi ro

2.2.1. Triết lý và nguyên tắc quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nguyên tắc quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.2.3. Mối quan hệ với mục tiêu, khẩu vị rủi ro và cơ hội kinh doanh

2.2.4. Một số phương pháp tiếp cận

2.2.5. Quy trình quản trị rủi ro

2.3. Các tiêu chuẩn về quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.3.1. Hệ thống tiêu chuẩn chung

2.3.2. Một số tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro doanh nghiệp

Chương 3. Quy trình quản trị rủi ro doanh nghiệp (LT 5; TL 5)

3.1. Thiết lập giả thiết và điều kiện tiêu chuẩn

3.1.1. Giả thiết mục tiêu

3.1.2. Điều kiện tiêu chuẩn

3.2. Nhận diện rủi ro doanh nghiệp

3.2.1. Nhận diện rủi ro chiến lược

3.2.2. Nhận diện rủi ro hoạt động

3.2.3. Nhận diện rủi ro tuân thủ

3.2.4. Nhận diện các rủi ro báo cáo

3.3. Đánh giá rủi ro doanh nghiệp

3.3.1. Khái quát về phương pháp và kỹ thuật đánh giá rủi ro

3.3.2. Kỹ thuật đánh giá rủi ro

3.3.4. Các kỹ thuật phân tích định tính cơ bản

3.3.5. Kỹ thuật phân tích định lượng cơ bản

3.4. Ứng phó rủi ro doanh nghiệp

3.4.1. Mục tiêu của việc đối phó với rủi ro

3.4.2. Hoạch định việc đối phó với rủi ro

3.4.3. Các chiến lược đối phó với rủi ro

Chương 4. Kiểm tra và giám sát rủi ro doanh nghiệp (LT 5; TL 5)

4.1. Kiểm soát rủi ro doanh nghiệp

4.1.1. Đặc điểm chung

4.1.2. Phân loại các hoạt động kiểm soát

4.1.3. Mô hình kiểm soát (theo mô hình của COSO)

4.1.4. Kiểm soát các hệ thống thông tin

4.1.5. Một số trình tự và yêu cầu hoạt động kiểm soát cơ bản

4.2. Giám sát và điều chỉnh quy trình

4.2.1. Tầm quan trọng của hoạt động giám sát

4.2.2. Các hình thức giám sát

4.2.3. Báo cáo về kiểm tra, giám sát và điều chỉnh

Chương 5. Tổ chức quản trị rủi ro doanh nghiệp (LT 6; TL 5; TH:10)

5.1. Quản trị rủi ro chiến lược

5.1.1. Khái niệm và bản chất của quản trị rủi ro chiến lược

5.1.2. Vai trò và nhiệm vụ bộ phận quản trị rủi ro chiến lược trong doanh nghiệp

5.1.3. Hướng tiếp cận và khung lý thuyết quản trị rủi ro chiến lược

5.1.4. Mối quan hệ quản trị rủi ro doanh nghiệp, quản trị rủi ro chiến lược

5.1.5. Nội dung thực hiện quá trình tổ chức, duy trì quản trị rủi ro chiến lược

5.1.6. Đối phó với rủi ro chiến lược

5.2. Quản trị rủi ro hoạt động

5.2.1. Khái niệm về rủi ro hoạt động

5.2.2. Mối quan hệ giữa quản trị rủi ro doanh nghiệp và rủi ro hoạt động

5.2.3. Khung quản trị rủi ro hoạt động

5.2.4. Trách nhiệm trong việc quản trị rủi ro hoạt động

5.3. Quản trị rủi ro tuân thủ

5.3.1. Khái niệm về rủi ro tuân thủ và vai trò quản trị rủi ro tuân thủ

5.3.2. Phương pháp tiếp cận và khung quản trị tuân thủ

5.3.3. Trách nhiệm của các chức năng trong việc quản trị rủi ro tuân thủ

5.4. Quản trị rủi ro đạo đức doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội và báo cáo tài chính

5.4.1. Khái niệm

5.4.2. Môi trường và các quy định liên quan

5.4.3. Khung quản trị rủi ro về báo cáo

5.4.4. Nhiệm vụ của các chức năng của các bộ phận chính trong doanh nghiệp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X	X	
Tự học	X	X	X	X	X
TL	X	X	X	X	X
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		X	X	X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá thường xuyên (20%)					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm				10	

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học:

Giáo trình chính

Eric Verzuh (2020), *MBA Căn Bản - Quản Lý Rủi Ro Và Hiệu Suất Công Việc*, NXB Dân trí (Hoa Nguyễn Ngọc dịch).

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), *Quản trị học*, NXB Văn hóa-Văn nghệ.

2) Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2020), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

MIV. THỰC TẬP (INTERNSHIP)

- Số tín chỉ 6.
- Mã học phần: **3TTQT1**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy, HD: Bộ môn QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần

Thực tập thực tế là học phần được thiết kế để cao học viên tiếp cận với thực tiễn kinh doanh, nâng cao khả năng giải quyết các tình huống thực tế trên cơ sở nền tảng học thuật từ các học phần lý thuyết trong chương trình đào tạo. Tham gia học phần này, cao học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp và thực hành hoạt động quản trị kinh doanh trên cơ sở lý thuyết đã được học, xác định các vấn đề trong hoạt động quản trị tại doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên tìm hiểu, phân tích và đánh giá được thực tiễn các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- CO2: Học viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hành hoạt động quản trị kinh doanh, xác định được các vấn đề trong hoạt động quản trị tại doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này.
- CO3: Học viên vận dụng thành thạo các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, lập kế hoạch, quản trị công việc hiệu quả để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực tập; Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề quản trị trong thực tiễn

W

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Học viên phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức đã học vào tìm hiểu, phân tích thực trạng một vấn đề/lĩnh vực quản trị từ đó rút ra bài học và đề xuất các khuyến nghị nhằm giải quyết vấn đề này cho doanh nghiệp

- CLO2: Mô tả được tổng quan được đặc điểm tình hình của doanh nghiệp và đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu và phát hiện một hoặc một số vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp

- CLO3: Thu thập, đọc và phân tích được các báo cáo chuyên sâu về hoạt động quản trị (quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, tài chính, nhân sự ...) và đánh giá thực trạng của hoạt động này

- CLO4: Đề xuất một số khuyến nghị để giải quyết các vấn đề quản trị đã phân tích của doanh nghiệp; Hoàn thành báo cáo thực tập theo các nội dung và hình thức của báo cáo thực tập

- CLO5: Có năng lực làm việc khoa học, năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và khả năng học tập suốt đời; Có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Tìm hiểu về đơn vị thực tập

- Sơ lược về sự hình thành và phát triển của đơn vị.
- Chức năng nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Cơ cấu Tổ chức và tình hình nhân sự của đơn vị
- Kết quả hoạt động của đơn vị

Nội dung 2: Nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung thực tập

Học viên tiến hành thu thập tài liệu và nghiên cứu các nội dung sau:

- Nghiên cứu về lý thuyết đã học hoặc thu thập thông qua các văn bản, tài liệu của đơn vị...

- Tìm hiểu thực trạng về sử dụng các lý thuyết gắn với các vấn đề trong thực tiễn, việc giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế khi đang thực tập

Nội dung 3: Tiếp cận công việc thực tế

- Tìm hiểu thực trạng chủ đề lựa chọn thực tập
- Thu thập thông tin sơ cấp, thứ cấp, cơ sở dữ liệu thực tế tại cơ sở thực tập thông qua việc nghiên cứu tài liệu, tiếp cận thực tế, trực tiếp làm quen với những nội dung công việc tại cơ sở thực tập, tiếp cận với kỹ năng nghề nghiệp, giải thích những vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu tài liệu và tại cơ sở thực tập.

Nội dung 4: Viết báo cáo kết quả thực tập

1. Xây dựng đề cương báo cáo về kết quả thực tập
2. Viết báo cáo khoa học về kết quả thực tập (theo mẫu)

Wf

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Chuẩn đầu ra học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thực hành	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1.	Nội dung báo cáo thực tập	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	80%
2.	Hình thức báo cáo thực tập	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO5	10%
3.	Thái độ, chuyên cần (Thực hiện đúng kế hoạch Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong thực tập)	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá thái độ chuyên cần)	CLO3 CLO5	10%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Sau khi có Quyết định thực tập, học viên phải đến cơ sở thực tập và thực hiện theo đúng quy định, nội quy của cơ sở thực tập.

- Kết thúc thực tập, học viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp, có nhận xét và đánh giá của cán bộ hướng dẫn thực tập và giảng viên hướng dẫn

8. Kế hoạch tư vấn:

Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm tư vấn và hướng dẫn học viên lập kế hoạch thực tập, tìm hiểu các tài liệu liên quan, phối hợp với cơ sở thực tập trong suốt quá trình thực tập. Giải đáp những thắc mắc và khó khăn của học viên gặp phải trong quá trình thực tập.

9. Trang thiết bị

Các trang thiết bị cần thiết sẽ được đơn vị thực tập cung cấp hoặc được trường ĐHHĐ, Khoa đào tạo cung cấp, hỗ trợ (nếu phù hợp và cần thiết)

W

10. Tài liệu tham khảo

- Các văn bản quản lý, tài liệu, giáo trình, báo cáo khoa học chuyên ngành liên quan

- Các tài liệu tại đơn vị thực tập

MV. TỐT NGHIỆP (ĐỀ ÁN) (GRADUATION PROJECT) 9 TC

- Số tín chỉ: 09

- Mã học phần: 3DAQT1

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành 70% các học phần.

1. Mô tả học phần

Đề án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, giúp đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp, xác định các vấn đề quản trị, kinh doanh doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Kết thúc học phần, học viên phải hoàn thành được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá đề án về thực trạng vấn đề quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp mà người học đã tìm hiểu, nghiên cứu trong quá trình thực tập, đồng thời đưa ra được các giải pháp phù hợp cho các vấn đề nói trên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng kiến thức chuyên môn về kinh doanh và quản lý vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quản trị các tổ chức/ doanh nghiệp.

- CO2: Phát hiện, đánh giá và đề xuất được giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

- CO3: Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện trong phát hiện, giải quyết vấn đề quản trị. Hoàn thiện kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng thu thập thông tin, lập kế hoạch và quản trị công việc.

- CO4: Hình thành tác phong làm việc khoa học; có năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng học tập suốt đời, thích nghi với sự thay đổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Học viên phân tích, vận dụng, tổng hợp được các kiến thức đã học vào tìm hiểu, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể cho doanh nghiệp/tổ chức.

- CLO2: Phân tích được thực trạng về quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức.

- CLO3: Phát hiện được các vấn đề, phân tích và đề xuất giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO4: Thành thạo các kỹ năng thu thập thông tin, lập kế hoạch, quản trị công việc để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện đề án.

- CLO5: Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện trong phát hiện và đề xuất giải pháp, giải quyết vấn đề. Hoàn thiện kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình (bằng văn bản và bằng lời nói) để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện và bảo vệ đề án.

- CLO6: Có năng lực làm việc khoa học, năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và khả năng học tập suốt đời; Có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

4. Nội dung học phần

Giai đoạn 1: Đăng ký đề án và xây dựng đề cương

Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn: Học viên được nghe giới thiệu về các hướng nghiên cứu, về hồ sơ khoa học của GVHD (dự kiến) từ đó có định hướng lựa chọn hướng thực hiện đề án và giáo viên hướng dẫn phù hợp.

Học viên trao đổi và thống nhất với người hướng dẫn về hướng nghiên cứu: Trên cơ sở thực tiễn, giáo viên và học viên thống nhất lựa chọn tên đề án, cách thức triển khai đề án làm căn cứ xây dựng đề cương và nghiên cứu theo quy định của nhà trường. Hướng nghiên cứu có thể bao gồm: các chủ đề có liên quan đến quản trị nhân sự, tài chính, khách hàng, dự án, marketing, bán hàng, phân phối, quy trình. Hoặc các chủ đề liên quan đến kỹ năng quản trị, năng lực lãnh đạo và quản lý, phân tích môi trường kinh doanh/quản trị; phân tích chiến lược sản phẩm, tổ chức; nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành vi, chuẩn mực, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

STT	Nội dung	Kết quả
1	Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án	Tìm hiểu tổng quan về đơn vị thực tập để xác định vấn đề cần nghiên cứu; xây dựng đề cương theo hướng nghiên cứu đã được chọn theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.
2	Bộ môn góp ý đề cương nghiên cứu	Bộ môn sẽ thành lập tổ chuyên môn góp ý và thống nhất tên, mục tiêu và nội dung nghiên cứu trong đề cương đề án của học viên.
3	Học viên hoàn thiện đề cương	Theo góp ý chuyên môn và quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.
4	Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn	Quyết định tên đề tài và giáo viên hướng dẫn, thời gian thực hiện và các điều kiện liên quan.

Giai đoạn 2: Thực hiện đề án

Học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp, xác định các vấn đề quản trị, kinh doanh doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Trong suốt quá trình thực tập, học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn

tại doanh nghiệp. Kết thúc học phần, học viên phải viết được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá về đề án mô tả thực trạng hoạt động và các vấn đề quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp mà người học đã thực tập thực tế, đồng thời đưa ra được các giải pháp cho các vấn đề nói trên. Nội dung cần phải thực hiện trong quá trình nghiên cứu gồm:

TT	Nội dung	Kết quả
1	Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu: (lý luận chung; phương pháp luận nghiên cứu)	Hoàn thiện nội dung tổng quan, xác định khoảng trống của vấn đề nghiên cứu/cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu; Xác định được phương pháp nghiên cứu.
2	Tìm hiểu, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> • Phân tích được thực trạng vấn đề nghiên cứu • Phân tích được kết quả, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế liên quan đến vấn đề nghiên cứu • Đề xuất được các giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu.
3	Hoàn thiện báo cáo và báo cáo tóm tắt đề án tốt nghiệp gồm:	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo đề án có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức. • Báo cáo tóm tắt: có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi, không quá 24 trang trên hai mặt giấy, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11), phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của đề án. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án.
4	Viết thông tin về đề án bằng tiếng Việt và tiếng Anh	Thực hiện theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.
5	Đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường.	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá đề án tốt nghiệp: Được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng (trực tiếp hoặc trực tuyến). Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà trường và Nhà nước. • Sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện Trường: Sau khi báo cáo bảo vệ xong đề án, học viên chỉnh sửa báo cáo theo kết luận của Hội đồng, hoàn thiện báo cáo đề án, nộp thực hiện báo cáo đề án theo quy định hiện hành.

wt

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình						
Vấn đáp						
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL						
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm						
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Kết quả/Trọng số
Quá trình thực hiện đề án				
1.	Hồ sơ thực hiện đề án (Kế hoạch, đề cương, báo cáo đề án)	Rubric đề án	CLO1, 2,3	Đạt yêu cầu đề xuất cho bảo vệ trước hội đồng
	Thái độ (sự chuyên cần; sự chuyên nghiệp, khoa học trong tiếp thu, thu thập thông tin, xây dựng nội dung, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo)	Rubric đề án	CLO1,2,3,4,5,6	
Bảo vệ đề án				
1.	Nội dung đề án	Rubric đề án	CLO1,2,3,4,5,6	70%
0.	Công trình khoa học liên quan		CLO1,2,3,5,6	10%
0.	Hình thức đề án	Rubric đánh giá hình thức báo cáo đề án	CLO1,2,5,6	10%
0.	Bảo vệ trước hội đồng (đánh giá về kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp, kỹ năng tư duy logic và phản biện; kỹ năng giao tiếp thuyết trình, kỹ năng quản	Rubric đánh giá Kỹ năng trình bày báo cáo đề án trước hội đồng	CLO1,4,5,6	10%

	trị thời gian; kỹ năng xây dựng kế hoạch và giải quyết vấn đề)			
Thang điểm 10				100%
Chỉnh sửa và hoàn thiện đề án				
1.	Chỉnh sửa hoàn thiện và nộp đề án theo quyết nghị của hội đồng và các góp ý của thành viên.		CLO1,2,3,4,5	Xác nhận hoàn thiện đề án theo kết luận của HĐ

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tuân thủ quy định của đơn vị thực tập, tuân thủ kế hoạch làm đề án. Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các nhiệm vụ nghiên cứu, tuân thủ các văn bản quy định của nhà trường về làm đề án tốt nghiệp. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình học viên nghiên cứu đề án tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ của đề án đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Học viên liên hệ và đặt lịch trao đổi chuyên môn với giảng viên hướng dẫn vào các ngày làm việc trong tuần tại phòng 303 nhà A2 - Văn phòng bộ môn QTKD.

Học viên phải có thái độ tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp, và khoa học trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã được xây dựng theo kế hoạch đúng tiến độ; các báo cáo được hoàn thiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng; Cầu thị, lắng nghe và sẵn sàng điều chỉnh để đề án tốt nghiệp đạt kết quả cao.

9. Trang thiết bị

Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được liên hệ đơn vị thực tập; phòng học để trao đổi thảo luận với GVHD và các giảng viên; tài khoản để check đạo văn và truy cập vào CSDL học tập.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1) Toàn bộ giáo trình tài liệu liên quan đến học phần thuộc chủ đề được lựa chọn nghiên cứu.

2) Các báo cáo (thứ cấp) liên quan đến chủ đề và đơn vị nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

2) Các tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

3) Trường đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu 1,2,3,5,6,7,8,9,10 về thực hiện Đề án tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

Để xây dựng chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ QTKD đã tham khảo các chương trình đào tạo dưới đây.

1) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội:

http://ueb.edu.vn/Uploads/Article/dat243/2019_5/File/chuogn%20trinh%20dao%20tao%20thac%20si%20QTKD%20nghien%20cuu.pdf

2) Trường Đại học Kinh tế quốc dân

https://neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/HomePage/ThongBao/2019/2019_9/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20thac%20si%20K28.pdf

3) Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

<https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/quan-tri-kinh-doanh-master-of-business-administration-mba.html>

4) Đại học Kaplan (Singapore)

<https://www.kaplan.com.sg/course/master/business-and-management/master-of-business-administration-829/?versionb=1>

5) Đại học Western Sydney

<http://handbook.westernsydney.edu.au/hbook/course.aspx?course=2761.5>

6) University of Washington Foster School of Business (Hàn Quốc)

https://gsb.skku.edu/en/Full-time_MBA/Curriculum.do

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/1/2022 và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng;

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh chủ trì xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

kt